

BỘ CÔNG AN**BỘ CÔNG AN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2009/TT-BCA(C11)

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2009

THÔNG TƯ**quy định việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại phương tiện
giao thông cơ giới đường bộ**

Căn cứ Điều 54 Luật giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ Công an quy định việc cấp, thu hồi đăng ký, biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

1.1. Thông tư này quy định việc cấp, thu hồi giấy đăng ký, biển số các loại phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm: xe ô tô; ô tô đầu kéo; máy kéo; rơmoóc hoặc sơ mi rơmoóc được kéo bởi ô tô, máy kéo; xe mô tô hai bánh; xe mô tô ba bánh; xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự (sau đây gọi

tất là xe) của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có trụ sở hoặc cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1.2. Thông tư này không áp dụng đối với xe Quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng.

2. Phân cấp cơ quan cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe

2.1. Cơ quan cấp đăng ký, biển số xe:

2.1.1. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt tổ chức cấp giấy đăng ký, biển số xe ô tô của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài làm việc trong cơ quan, tổ chức đó; một số cơ quan Trung ương (có danh mục kèm theo) và xe của Bộ Công an.

Ngoài các xe quy định trên, Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt cấp đăng ký xe theo yêu cầu nghiệp vụ được

lãnh đạo Bộ Công an hoặc Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phê duyệt.

2.1.2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức cấp đăng ký, biển số xe ô tô, máy kéo; rơmoóc, sơmi rơmoóc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; xe Quân đội làm kinh tế; mô tô, xe gắn máy, xe máy điện của tổ chức, cá nhân nước ngoài, liên doanh, dự án tại địa phương mình (trừ các đối tượng quy định tại điểm 2.1.1 nêu trên).

2.1.3. Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Công an cấp huyện) tổ chức cấp đăng ký, biển số xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước đang cư trú hoặc có trụ sở tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (trừ các đối tượng quy định tại các điểm 2.1.1 và 2.1.2 nêu trên).

2.2. Cơ quan thu hồi đăng ký, biển số xe:

- Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt.

- Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là Phòng Cảnh sát giao thông).

- Công an cấp huyện.

3. Thời hạn hoàn thành thủ tục đề cấp, đổi đăng ký, biển số và các giấy tờ về

sang tên di chuyển, giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe

3.1. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe bảo đảm đúng quy định, cơ quan đăng ký xe cấp ngay biển số; cấp đăng ký, hồ sơ (trường hợp sang tên di chuyển), giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe (trường hợp thu hồi đăng ký, biển số) hoặc cấp lại đăng ký, biển số xe, thời hạn tối đa không quá 3 ngày làm việc.

3.2. Đăng ký tạm thời xe: Sau khi nhận hồ sơ đúng quy định, cơ quan đăng ký xe cấp đăng ký và biển số tạm thời trong ngày.

4. Trách nhiệm của cơ quan và cán bộ làm nhiệm vụ cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe

4.1. Cơ quan đăng ký xe có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác đăng ký, cấp biển số xe.

Nghiêm cấm quy định thêm các thủ tục đăng ký xe trái quy định tại Thông tư này.

4.2. Cán bộ tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe phải kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ với xe, nếu thấy đầy đủ và đúng thủ tục theo quy định thì tiếp nhận giải quyết; trường hợp hồ sơ không bảo đảm thủ tục quy định thì phải hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần cho chủ xe để bổ sung và chịu trách nhiệm về sự hướng dẫn đó.

4.3. Đối với hồ sơ đăng ký, cấp biển số mới; đăng ký sang tên, di chuyển, đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe hoặc hồ sơ đã đăng ký xe trước đây được lưu trữ tại cơ quan đăng ký xe, nay giao lại cho chủ xe tự quản lý thì cán bộ đăng ký xe phải đóng dấu tiêu đề “HỒ SƠ CHỦ XE TỰ QUẢN LÝ” (mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này) vào giữa các trang của các loại giấy tờ giao cho chủ xe theo quy định.

5. Trách nhiệm của chủ xe

5.1. Phải có đầy đủ hồ sơ theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hồ sơ và xe đến đăng ký.

5.2. Nộp lệ phí đăng ký và biển số theo quy định.

5.3. Nhận và bảo quản những giấy tờ trong hồ sơ đăng ký xe đã được cơ quan đăng ký xe trả lại và xuất trình với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu hoặc giao lại những giấy tờ đó cho người mua, người được cho, tặng xe.

5.4. Trường hợp làm thủ tục sang tên, di chuyển; đổi, cấp lại đăng ký, biển số, chủ xe chỉ cần nộp giấy tờ quy định tại các điểm 1, 2 phần B và các điểm 1.2, 1.3 phần C mục II của Thông tư này.

5.5. Nghiêm cấm mọi hành vi giả mạo hồ sơ, đục xóa số máy, số khung để đăng ký xe.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ XE

Công tác đăng ký, cấp biển số xe bao gồm: đăng ký, cấp biển số; sang tên, di chuyển; cấp, đổi lại đăng ký, biển số; đăng ký tạm thời.

A. ĐĂNG KÝ CẤP BIỂN SỐ XE

Thủ tục hồ sơ đăng ký xe gồm: Giấy khai đăng ký xe; giấy tờ của chủ xe; giấy tờ của xe, cụ thể:

1. Giấy khai đăng ký xe

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 kèm theo Thông tư này);

2. Giấy tờ của chủ xe

Chủ xe phải xuất trình một trong những loại giấy tờ sau:

2.1. Chủ xe là người Việt Nam:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (còn giá trị). Trường hợp chưa đến tuổi được cấp Giấy chứng minh nhân dân hoặc nơi thường trú trong chứng minh không phù hợp nơi đăng ký thường trú trong giấy khai đăng ký thì xuất trình hộ khẩu.

- Giấy chứng minh Quân đội nhân dân, Giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc giấy chứng nhận theo quy định của

Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, kèm theo giấy giới thiệu của đơn vị công tác.

- Thẻ học viên, sinh viên học theo hệ tập trung từ 2 năm trở lên của trường trung cấp, cao đẳng, đại học, học viện kèm theo giấy giới thiệu của nhà trường.

- Chủ xe là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về sinh sống, làm việc tại Việt Nam: Sổ tạm trú hoặc sổ hộ khẩu và xuất trình hộ chiếu (còn giá trị) hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.

2.2. Chủ xe là người nước ngoài:

- Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế: Chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ (còn giá trị) và giấy giới thiệu của Cục Lễ tân Nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ.

- Người nước ngoài làm việc, sinh sống ở Việt Nam: Hộ chiếu (còn giá trị) hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, giấy phép lao động theo quy định hoặc giấy giới thiệu của tổ chức, cơ quan Việt Nam quản lý người nước ngoài hoặc Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú từ một năm trở lên theo quy định của pháp luật.

2.3. Chủ xe là cơ quan, tổ chức:

- Cơ quan, tổ chức Việt Nam: Giấy giới thiệu kèm theo Giấy chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe.

- Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế: Giấy giới thiệu của Cục Lễ tân Nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ ghi rõ tên cơ quan, tổ chức kèm theo giấy tờ tùy thân của người đến đăng ký xe.

- Doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Văn phòng đại diện, Công ty nước ngoài trúng thầu, các tổ chức phi chính phủ: Giấy giới thiệu kèm theo Giấy chứng minh nhân dân của người đến đăng ký xe (trong trường hợp cơ quan không có giấy giới thiệu thì phải có giấy giới thiệu của cơ quan cấp trên quản lý).

2.4. Người được ủy quyền đăng ký xe phải xuất trình Giấy chứng minh nhân dân, giấy ủy quyền của chủ xe có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, đơn vị công tác.

3. Các giấy tờ của xe

3.1. Chứng từ mua bán, cho, tặng, thừa kế xe:

Chứng từ mua bán, cho, tặng thừa kế xe phải có một trong các loại giấy tờ sau đây:

3.1.1. Quyết định bán, cho, tặng hoặc hợp đồng mua bán theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.

3.1.3. Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (nếu xe bán ra chuyên qua nhiều tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thì khi đăng ký chỉ cần bản chính hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành của tổ chức, cơ quan doanh nghiệp bán cuối cùng; nhiều xe chung một hóa đơn thì phải chứng thực hoặc sao y).

Đối với xe của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh phải có hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn tự in theo quy định của pháp luật; trường hợp mua xe thanh lý của các cơ quan hành chính sự nghiệp, phải có hóa đơn bán tài sản thanh lý; trường hợp mua xe là tài sản dự trữ quốc gia, phải có hóa đơn bán hàng dự trữ quốc gia.

3.1.4. Xe của đồng sở hữu khi bán, cho, tặng phải có đủ chữ ký hoặc giấy ủy quyền bán thay của các sở hữu chủ.

3.1.5. Giấy bán, cho, tặng xe của cá nhân phải có xác nhận của đơn vị công tác hoặc có chứng thực chữ ký của người bán, cho, tặng xe theo quy định.

3.1.6. Trường hợp xe là tài sản của doanh nghiệp Nhà nước được giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê khi đăng ký, sang tên chuyển nhượng phải có quyết định cho, bán của Bộ trưởng; Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị của doanh nghiệp, kèm theo hợp đồng mua bán và bản kê khai bàn giao tài sản.

3.1.7. Trường hợp góp vốn bằng tài sản là xe vào hợp tác xã hoặc tổ chức, doanh nghiệp, khi rút tài sản của mình ra khỏi Hợp tác xã hoặc tổ chức, doanh nghiệp thì chứng từ chuyển nhượng là Biên bản hoặc Quyết định trả lại xe kèm theo hóa đơn GTGT (không ghi dòng thuế GTGT)

3.2. Chứng từ lệ phí trước bạ xe:

3.2.1. Biên lai thu lệ phí trước bạ hoặc giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (đã được Kho bạc Nhà nước xác nhận), giấy ủy nhiệm chi qua ngân hàng nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính (nếu nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì phải có bản sao công chứng hoặc chứng thực của cơ quan cấp đối với từng xe);

3.2.2. Tờ khai nộp lệ phí trước bạ.

Trường hợp xe được miễn lệ phí trước bạ, chỉ cần Tờ khai nộp lệ phí trước bạ.

3.3. Chứng từ nguồn gốc xe

Từng loại xe phải có giấy tờ sau đây:

3.3.1. Xe nhập khẩu:

3.3.1.1. Xe nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, xe miễn thuế, xe chuyên dùng có thuế suất 0%, xe viện trợ dự án và các xe thuộc đối tượng Bộ Tài chính quy định phải sử dụng tờ khai nguồn gốc: Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.

3.3.1.2. Xe nhập khẩu theo chế độ tạm nhập, tái xuất của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật hoặc theo Hiệp định giữa hai Nhà nước; xe của chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình dự án ODA ở Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc theo lời mời; giấy phép nhập khẩu xe của cơ quan Hải quan.

3.3.1.3. Xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà biếu, quà tặng hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển, xe viện trợ không hoàn lại, nhân đạo:

- Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính.

- Biên lai thu thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu theo quy định phải có) hoặc lệnh ghi thu, ghi chi hoặc giấy nộp tiền qua kho bạc hoặc chuyển khoản hoặc ủy nhiệm chi qua ngân hàng ghi rõ đã nộp thuế.

+ Trường hợp không phải có biên lai thuế xuất, nhập khẩu, hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt thì phải có quyết định miễn thuế hoặc văn bản cho miễn thuế của cấp có thẩm quyền hoặc có giấy xác nhận hàng viện trợ theo quy định của Bộ Tài chính.

+ Trường hợp xe có thuế suất bằng 0%: Chỉ cần Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ

Tài chính trong đó phải ghi nhãn hiệu xe, số máy, số khung.

3.3.1.4. Đối với romoóc, somi romoóc; máy kéo; xe máy điện nhập khẩu: Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (dùng cho đăng ký biển số) theo quy định của Bộ giao thông vận tải. Trường hợp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu không ghi nhãn hiệu thì trong Giấy đăng ký xe mục loại xe phải ghi tên nước sản xuất.

3.3.1.5. Xe ô tô chuyên dùng thuê của nước ngoài:

- Hợp đồng thuê;

- Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.

3.3.1.6. Xe của các dự án:

3.3.1.6.1. Xe các dự án viện trợ của nước ngoài khi hết hạn, bàn giao cho phía Việt Nam:

- Chứng từ nguồn gốc của xe như quy định tại điểm 3.3 phần A mục II Thông tư này;

- Quyết định tiếp nhận của Thủ trưởng cấp Bộ (đối với cơ quan Trung ương) hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan ở địa phương);

- Biên bản bàn giao xe theo quy định.

Sau khi đã được cấp giấy đăng ký xe mang tên cơ quan Việt Nam, khi bán xe:

xe thuộc các cơ quan Trung ương thì do Thủ trưởng cấp Bộ; xe thuộc địa phương quản lý thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Đối với xe viện trợ không đăng ký tên dự án mà đăng ký tên cơ quan Việt Nam, sau khi hết thời hạn dự án muốn bán phải có Quyết định cho bán của cấp có thẩm quyền như quy định trên

Trường hợp xe viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được sang tên di chuyển bình thường theo quy định.

3.3.1.6.2. Xe (đã đăng ký) của dự án này bàn giao cho dự án khác:

- Văn bản bàn giao xe của chủ dự án nước ngoài;

- Công văn xác nhận hàng viện trợ của Vụ Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính.

3.3.2. Xe sản xuất, lắp ráp, cải tạo trong nước:

3.3.2.1. Xe lắp ráp:

- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của cơ sở sản xuất, lắp ráp.

3.3.2.2. Xe cải tạo:

3.3.2.2.1. Xe thay đổi tính chất chuyên chở:

- Đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (đối với xe đã qua sử dụng);

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; xe trong lực lượng Công an nhân dân cải tạo: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo theo quy định của Bộ Công an.

Không giải quyết đăng ký các xe ô tô khác cải tạo thành xe ô tô chở khách; xe chuyên dùng chuyên đổi tính năng, công dụng (gọi tắt là xe thay đổi công năng) trước 5 năm và xe đông lạnh trước 3 năm (kể từ ngày nhập khẩu).

3.3.2.2.2. Xe thay tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung nhập khẩu:

- Đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (đối với xe đã qua sử dụng);

- Tờ khai hàng xuất, nhập khẩu kèm theo bản kê khai chi tiết của tổng thành máy, tổng thành khung đó.

Trường hợp tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung khác nhãn hiệu, thông số kỹ thuật thì phải có Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo của cơ sở sản xuất theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3.3.2.2.3. Xe thay tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung sản xuất trong nước:

- Đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (đối với xe đã qua sử dụng);

- Chứng từ bán tổng thành của cơ sở sản xuất;

- Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) của cơ sở sản xuất.

Trường hợp xe ô tô tải cải tạo thùng hàng, lắp khung mui trên ô tô thì chỉ cần biên bản kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật lắp ráp thùng hàng/ khung mui bảo vệ hàng hóa theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3.3.2.2.4. Trường hợp tổng thành máy hoặc tổng thành khung của xe đã đăng ký dùng để thay thế cho xe khác thì phải có: Giấy thu hồi đăng ký, biển số (ghi rõ cấp cho tổng thành máy hoặc tổng thành khung) hoặc quyết định tịch thu của cấp có thẩm quyền kèm theo hóa đơn bán hàng tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ; xe miễn thuế; xe tạm nhập của cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao hoặc miễn trừ lãnh sự thì không được làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số để lấy tổng thành máy hoặc tổng thành khung thay thế cho xe khác.

3.3.3. Xe có quyết định của các cấp, cơ quan có thẩm quyền:

3.3.3.1. Xe xử lý tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền);

- Hóa đơn bán hàng tịch thu sung quỹ Nhà nước do Bộ Tài chính phát hành hoặc văn bản xác lập quyền sở hữu Nhà nước của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của cấp có thẩm quyền).

Đối với trường hợp tịch thu nhiều xe chung một quyết định phải có bản sao kê khai chi tiết xe tịch thu sung quỹ Nhà nước có xác nhận của cấp có thẩm quyền hoặc cơ quan ra quyết định bán hàng tịch thu. Việc đăng ký xe tịch thu sung quỹ Nhà nước (không phải có hồ sơ gốc) được thực hiện trên cơ sở hiện trạng số máy, số khung của xe ghi trong quyết định và hóa đơn trên, nhưng xe phải hoàn chỉnh, cùng thông số kỹ thuật.

3.3.3.2. Xe có quyết định xử lý vật chứng:

- Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền cấp);

- Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao (nếu là người bị hại). Trường hợp quyết định xử lý vật

chứng tịch thu sung quỹ nhà nước (không phải có hồ sơ gốc) phải có hóa đơn bán hàng tịch thu sung quỹ nhà nước.

3.3.3.3. Xe do Tòa án phát mại hoặc chuyển giao để bảo đảm thi hành án:

- Bản sao quyết định của Tòa án hoặc trích lục bản án;
- Quyết định thi hành án của tổ chức thi hành án có thẩm quyền;
- Chứng từ thu tiền hoặc biên bản bàn giao tài sản.

Trường hợp xe phát mại hoặc được chuyển giao để bảo đảm thi hành án thì phải có hồ sơ gốc theo quy định tại Thông tư này và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người có xe bị phát mại. Xe chưa rõ nguồn gốc hoặc không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người có tài sản bị phát mại hoặc chuyển giao để đảm bảo thi hành án thì không tiếp nhận giải quyết đăng ký mà phải hướng dẫn chủ xe đến nơi đã ra quyết định để giải quyết.

3.3.3.4. Xe cầm cố thế chấp do Ngân hàng phát mại:

- Bản sao hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng bảo đảm (do tổ chức tín dụng ký sao);
- Hợp đồng mua bán tài sản hoặc hợp đồng chuyển nhượng tài sản hoặc biên bản nhận tài sản hoặc văn bản bán đấu

giá tài sản (tùy từng trường hợp xử lý cụ thể);

- Đăng ký xe hoặc chứng từ nguồn gốc của xe;
- Chứng từ thu tiền theo quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp xe là tài sản cầm cố, thế chấp có tranh chấp, xe khởi kiện, xe là tài sản thi hành án phải có thêm:

- + Trích lục bản án hoặc sao bản án hoặc sao quyết định của Tòa án;
- + Quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án.

Trường hợp xe đã đăng ký ở địa phương khác, phải có thêm phiếu sang tên di chuyển kèm theo hồ sơ gốc, giấy khai sang tên di chuyển do chủ xe, hoặc cơ quan ký hợp đồng bán tài sản, các tổ chức tín dụng ký xác nhận.

3.3.3.5. Xe thuộc diện phải truy thu thuế nhập khẩu:

3.3.3.5.1. Xe đã đăng ký, nay phát hiện Chứng từ nguồn gốc giả:

- Chứng từ truy thu thuế nhập khẩu;
- Chứng từ truy thu thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có);
- Đăng ký xe hoặc Quyết định xử lý vật chứng hoặc kết luận bằng văn bản của cơ quan điều tra.

3.3.3.5.2. Xe phải truy thu thêm thuế nhập khẩu:

- Quyết định truy thu thuế của Cục Hải quan hoặc của Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Giấy nộp tiền thuế nhập khẩu vào ngân sách nhà nước;

- Hồ sơ gốc của xe.

3.3.4. Xe dự trữ quốc gia:

- Lệnh xuất bán hàng dự trữ quốc gia của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp nhiều xe thì phải sao cho mỗi xe một lệnh (bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực của Cục Dự trữ quốc gia);

- Tờ khai nguồn gốc nhập khẩu xe hoặc giấy xác nhận của Tổng cục Hải quan (mỗi xe 1 bản chính) ghi rõ nhãn hiệu, số máy, số khung;

- Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho theo quy định của Bộ Tài chính do các Chi cục Dự trữ quốc gia cấp, mỗi xe một hóa đơn ghi rõ nhãn hiệu, số máy và số khung.

3.3.5. Xe bị mất chứng từ nguồn gốc:

- Giấy cam đoan của chủ xe trước pháp luật về việc mất chứng từ nguồn gốc của xe và xuất trình giấy tờ theo quy định tại điểm 2 phần A mục II Thông tư này.

- Bản sao chứng từ nguồn gốc của xe nhập khẩu phải có xác nhận của cơ quan đã cấp chứng từ đó, riêng đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước thì cơ sở sản xuất phải cấp lại Phiếu kiểm tra chất

lượng xuất xưởng (hồ sơ đăng ký phải đầy đủ như quy định tại phần A mục II Thông tư này). Sau 30 ngày nếu không phát hiện có vi phạm hoặc tranh chấp gì thì làm thủ tục đăng ký xe.

3.3.6. Xe của Công ty cho thuê tài chính đăng ký xe theo nơi cư trú hoặc đặt trụ sở hoạt động của bên thuê:

- Giấy tờ của xe theo quy định tại điểm 3 phần A mục II Thông tư này.

- Công văn của Công ty cho thuê tài chính đề nghị đăng ký xe theo nơi cư trú hoặc đặt trụ sở hoạt động của bên thuê.

3.3.7. Xe của cơ quan Công an, Quân đội bán ra dân sự:

- Giấy tờ của xe như quy định tại điểm 3 phần A mục II Thông tư này;

- Quyết định cho bán xe của Tổng cục Hậu cần (đối với xe Công an) hoặc của Bộ Tổng tham mưu (đối với xe Quân đội).

Trường hợp xe có nguồn gốc do Bộ Quốc phòng cấp phát, trang bị trước ngày 31/12/1989 và đã được đăng ký trước ngày 27/12/1995, phải có bản chính giấy chứng nhận của Cục quản lý xe máy thuộc Tổng cục kỹ thuật cấp cho từng xe.

3.3.8. Đăng ký và quản lý xe của các doanh nghiệp Quân đội làm kinh tế; xe Quân đội làm nhiệm vụ quốc phòng có

yêu cầu cấp biển số dân sự thực hiện theo Thông tư liên tịch số 16/2004/TTLT-BCA-BQP ngày 01/11/2004 của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

3.3.9. Xe là tài sản chung của vợ chồng:

Chủ xe tự nguyện khai là tài sản chung của vợ chồng, phải ghi đầy đủ họ, tên và chữ ký của vợ, chồng trong giấy khai đăng ký. Trường hợp xe thuộc tài sản chung của vợ chồng đã đăng ký đứng tên một người, nay có nguyện vọng đăng ký xe là tài sản chung của hai vợ chồng thì phải tự khai giấy khai đăng ký xe (theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này). Cơ quan đăng ký xe thu lại đăng ký xe cũ và cấp đăng ký xe mới.

3.3.10. Các loại xe có kết cấu tương tự: giấy tờ của xe thực hiện theo quy định tại điểm 3 phần A mục II Thông tư này.

Trường hợp xe sản xuất hoặc tự cải tạo đã sử dụng trước 31/12/2008 có chứng từ nguồn gốc không bảo đảm theo quy định thì chủ xe phải có cam kết về nguồn gốc hợp lệ của xe (có xác nhận của chính quyền địa phương) kèm theo Biên bản kiểm tra của ngành Giao thông vận tải chứng nhận xe đủ điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với máy kéo), Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe dùng cho người tàn tật (liên dùng cho đăng ký cấp biển số).

3.3.11. Xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng kho ngoại quan:

- Quyết định bán tài sản hàng tồn đọng kho ngoại quan của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng kho ngoại quan do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Cục Hải quan hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Chi cục Hải quan ký;

- Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.

(Kèm theo hồ sơ nhập khẩu theo quy định tại điểm 3.3.1 phần A mục II Thông tư này).

Riêng đối với xe thuộc danh mục cấm nhập khẩu theo quy định của Chính phủ phải có quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của Cục Hải quan (hồ sơ đăng ký theo quy định tại điểm 3.3.3.1 phần A mục II Thông tư này).

3.3.12. Xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng tại cảng biển:

- Quyết định bán tài sản của Hội đồng xử lý hàng tồn đọng cảng biển do Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Sở Tài chính.

- Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp xe thuộc diện xử lý hàng tồn đọng bị tịch thu sung quỹ nhà nước thì chứng từ nguồn gốc thực hiện theo quy định tại điểm 3.3.3.1 phần A mục II Thông tư này.

B. ĐĂNG KÝ SANG TÊN, DI CHUYỂN XE

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày làm giấy tờ mua bán, cho, tặng, thừa kế xe, người mua hoặc nhận xe phải đến cơ quan đăng ký xe đang quản lý xe đó làm thủ tục sang tên, di chuyển, thay đổi đăng ký xe.

1. Xe đăng ký sang tên trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giấy tờ cần có:

1.1. Giấy khai đăng ký xe.

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 kèm theo Thông tư này);

1.2. Giấy đăng ký xe;

1.3. Chứng từ mua bán, cho, tặng xe theo quy định tại điểm 3.1 phần A mục II Thông tư này.

1.4. Chứng từ lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm 3.2 phần A mục II Thông tư này.

Khi đăng ký sang tên thì giữ nguyên biển số cũ (trừ biển loại 3 số thì cho đổi sang biển loại 4 số cùng loại biển) và cấp lại giấy đăng ký xe theo tên của chủ xe mới

Trường hợp sang tên mô tô, xe máy khác huyện thì chủ xe phải đến Công an cấp huyện đã đăng ký xe đó (không phải đưa xe đến kiểm tra) làm thủ tục rút hồ

sơ gốc của xe chuyển về Công an cấp huyện nơi chủ xe mới đăng ký.

2. Xe sang tên di chuyển ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giấy tờ cần có:

2.1. Hai giấy khai sang tên di chuyển.

Chủ xe phải tự khai giấy khai sang tên, di chuyển theo đúng mẫu quy định (mẫu số 03 kèm theo Thông tư này).

2.2. Giấy đăng ký xe;

2.3. Chứng từ mua bán, cho, tặng xe theo quy định tại điểm 3.1 phần A mục II Thông tư này.

Trường hợp chủ xe thay đổi nơi thường trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, phải có Quyết định điều động công tác hoặc sổ hộ khẩu thay cho chứng từ mua bán, cho tặng xe.

Trường hợp này, chủ xe phải nộp lại biển số xe, không phải đưa xe đến kiểm tra.

C. ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE

1. Đổi lại đăng ký, biển số xe

1.1. Những trường hợp sau đây phải đổi lại đăng ký xe, biển số xe: Xe thay đổi màu sơn; đăng ký xe bị rách, hư hỏng; biển số xe hư hỏng, mờ.

1.2. Chủ xe đề nghị đổi đăng ký xe, biển số xe phải có Giấy khai đăng ký

xe (theo mẫu số 02); công văn đề nghị (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc đơn cam đoan (đối với cá nhân) và phải nộp lại đăng ký hoặc biển số xe cũ và không bắt buộc phải mang xe đến để kiểm tra (trừ xe thay đổi màu sơn). Cơ quan đăng ký xe cấp lại đăng ký, biển số xe (theo số cũ) trừ loại biển 3 số thì phải đổi sang biển 4 số.

1.3. Chủ xe là người nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao hoặc miễn trừ lãnh sự đề nghị đổi lại đăng ký xe đã hết hạn sử dụng, phải có Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu số 02), Giấy giới thiệu của Cục Lễ tân nhà nước hoặc Sở ngoại vụ và nộp lại đăng ký xe.

2. Cấp lại đăng ký, biển số xe bị mất:

Chủ xe bị mất đăng ký, biển số xe phải có Giấy khai đăng ký xe (theo mẫu số 02); đơn (đối với cá nhân) hoặc công văn (đối với cơ quan, tổ chức) đề nghị cấp lại; không phải mang xe đến cơ quan đăng ký xe. Nếu đủ giấy tờ theo quy định thì giải quyết cấp lại đăng ký xe, biển số xe (theo biển số cũ); trường hợp loại biển 3 số thì đổi sang loại biển 4 số theo quy định.

3. Chủ xe là cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân, Công an nhân dân xuất ngũ hoặc chuyên công tác; học sinh, sinh viên ra trường; nếu đã thay đổi địa chỉ, nơi làm việc thì được giải quyết cấp lại theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú.

4. Trường hợp xe đã đăng ký, cấp biển số làm thủ tục di chuyển đi địa phương khác, nay chủ xe đề nghị đăng ký lại thì giải quyết đăng ký cấp biển số (biển số cũ).

D. ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI

1. Các loại xe đăng ký tạm thời

1.1. Ôtô mới nhập khẩu và sản xuất lắp ráp lưu hành từ kho, cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác.

1.2. Ôtô có phiếu sang tên di chuyển đi địa phương khác.

1.3. Ôtô làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số để tái xuất về nước hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam.

1.4. Ôtô được phép quá cảnh (trừ xe có Hiệp định ký kết của Nhà nước).

1.5. Ôtô sát xi có buồng lái; ô tô tải không thùng.

1.6. Ôtô sát hạch.

1.7. Xe mang biển số nước ngoài vào Việt Nam du lịch, được cấp có thẩm quyền cho phép.

1.8. Xe mới lắp ráp tại Việt Nam chạy thử nghiệm trên đường giao thông công cộng.

1.9. Xe được phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của Chính phủ

(trừ xe hoạt động ở khu vực biên giới có cửa khẩu).

1.10. Xe phục vụ hội nghị, hội chợ, thể dục thể thao, triển lãm theo yêu cầu của Chính phủ hoặc Bộ Công an.

1.11. Rơmoóc, somi rơmoóc.

1.12. Xe máy kéo.

1.13. Xe ô tô của người nước ngoài đăng ký ở nước ngoài có tay lái bên phải (tay lái nghịch) tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định Chính phủ.

2. Hồ sơ, giấy tờ của xe đăng ký tạm thời

2.1. Xe sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam:

2.1.1. Giấy khai đăng ký xe.

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này);

2.1.2. Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của cơ sở sản xuất theo quy định.

2.1.3. Hóa đơn bán hàng hoặc phiếu xuất kho.

2.2. Xe nhập khẩu; tạm nhập tái xuất có thời hạn, quá cảnh:

2.2.1. Giấy khai đăng ký xe.

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2.2.2. Tờ khai hàng hóa xuất, nhập khẩu hoặc bản kê khai chi tiết nhập xe.

2.3. Xe phục vụ Hội nghị, hội chợ, thể dục thể thao, xe nước ngoài du lịch vào Việt Nam theo yêu cầu của Chính phủ hoặc Bộ Công an: Chỉ cần đăng ký xe hoặc danh sách chi tiết xe được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4. Đối với xe sang tên di chuyển đi địa phương khác, xe làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số; hồ sơ đăng ký tạm là Phiếu sang tên di chuyển hoặc Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số.

Trường hợp xe đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu thì thủ tục đăng ký tạm bao gồm các loại giấy tờ theo quy định tại điểm 3 phần A mục II Thông tư này (trừ chứng từ lệ phí trước bạ).

Khi đến làm thủ tục đăng ký tạm thời, chủ xe mang toàn bộ hồ sơ gốc và bản chụp hồ sơ gốc để đối chiếu, không phải mang xe đến kiểm tra nhưng phải cà số máy, số khung dán vào giấy khai đăng ký. Khi cấp giấy đăng ký tạm thời thì trả hồ sơ gốc, cơ quan đăng ký xe lưu lại bản sao hồ sơ gốc.

2.5. Xe ô tô của người nước ngoài, đăng ký ở nước ngoài có tay lái bên phải (tay lái nghịch) tham gia giao thông tại Việt Nam theo quy định Chính phủ.

2.5.1. Giấy khai đăng ký xe: Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này).

2.5.2. Văn bản của Thủ tướng Chính phủ; văn bản của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến Thủ tướng Chính phủ hoặc văn bản của Bộ, ngành được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền.

3. Thời hạn có giá trị của đăng ký tạm thời

3.1. Đăng ký xe tạm thời có giá trị là 07 ngày; nếu hết hạn thì được gia hạn một lần không quá 07 ngày.

3.2. Xe được phép tạm nhập: quảng cáo, hội chợ, triển lãm, thể thao hoặc phục vụ các mục đích hợp pháp khác thì thời hạn được cấp theo thời gian ghi trong giấy cho phép tạm nhập.

Xe đăng ký tạm, được phép tham gia giao thông theo thời gian và nơi đi, nơi đến đã được ghi trong Đăng ký tạm.

E. GIẢI QUYẾT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Trường hợp đóng lại số máy, số khung

1.1. Đối với xe nhập khẩu:

- Xe không có số máy, số khung: trong tờ khai nguồn gốc nhập khẩu của Hải quan ghi không có hoặc chưa tìm thấy số máy, số khung thì cho đóng số theo biển số đăng ký. Trường hợp tìm thấy số máy, số khung thì yêu cầu đến Hải quan để xác nhận lại.

- Xe có số máy, số khung ở Etekét, số ghi bằng sơn, số bị mờ, hoen gỉ thì được đóng lại theo số được cơ quan Hải quan xác nhận trong tờ khai nguồn gốc nhập khẩu của xe.

- Xe bị đục số máy, số khung: không tiếp nhận giải quyết đăng ký và hướng dẫn chủ phương tiện đến cơ quan Hải quan để giải quyết theo quy định của Chính phủ.

- Xe có số VIN ở kính phía trước của xe đã được cơ quan Hải quan xác nhận là số khung, chưa tìm thấy số máy vì bị bao bọc kín, không thể thực hiện được việc đóng số máy, thì chụp ảnh số VIN lưu trong hồ sơ để thay thế cho việc đóng số máy, số khung (chụp ảnh do cơ quan đăng ký xe thực hiện).

1.2. Xe sản xuất, lắp ráp trong nước:

1.2.1. Xe có số máy, số khung đóng chìm kim (lade) hoặc số đóng bị mờ, không rõ số thì được đóng lại số theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng;

1.2.2. Xe có số máy, số khung bị đóng chồng số thì phải trưng cầu giám định. Nếu cơ quan giám định kết luận xe bị đục lại số máy hoặc số khung thì không tiếp nhận đăng ký theo quy định.

Trường hợp giám định kết luận số máy, số khung là nguyên thủy thì được đóng lại theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

1.3. Trường hợp xe đã đăng ký nếu thay thế máy mới hoặc thay thân máy (Blok) chưa có số máy thì đóng số theo số biển số xe đăng ký.

1.4. Xe có quyết định tịch thu hoặc quyết định xử lý vật chứng hoặc văn bản kết luận của Cơ quan điều tra là xe có số máy, số khung bị đục, tẩy xóa hoặc không xác định được số khung, số máy nguyên thủy thì được đóng lại số theo số biển số.

1.5. Việc đóng lại số máy, số khung do cơ quan đăng ký xe thực hiện.

2. Giải quyết vướng mắc về chứng từ chuyển nhượng xe

2.1. Khi sang tên di chuyển, trong hồ sơ xe đăng ký từ 31/12/2003 trở về trước thiếu hóa đơn chuyển nhượng hoặc chuyển nhượng không liên tục thì hồ sơ được coi là hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

2.2. Xe mua bán qua nhiều chủ, nay không thể xác định được các chủ trung gian thì khi sang tên di chuyển phải có chứng từ mua bán, cho tặng của chủ xe đầu tiên và chứng từ mua bán, cho, tặng của người bán xe cuối cùng. Người đăng ký xe phải có bản cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của xe và xuất trình Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu. Cơ quan đăng ký xe phải thông báo công

khai tại nơi đăng ký về loại xe, biển số xe, số máy số khung. Sau 30 ngày, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện thì giải quyết đăng ký, sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

3. Giải quyết một số vướng mắc khi sang tên, di chuyển xe

3.1. Xe di chuyển sang địa phương khác nhưng chủ xe chưa đăng ký, lại bán tiếp cho chủ xe mới, nếu thủ tục mua bán và lệ phí trước bạ đúng quy định thì tiếp nhận giải quyết đăng ký và gửi thông báo cho địa phương di chuyển xe biết để điều chỉnh số đăng ký xe.

3.2. Xe mua bán, cho, tặng qua nhiều chủ trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa làm thủ tục sang tên, sau đó người mua cuối cùng bán xe sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì người mua cuối cùng hoặc chủ xe đứng tên trong đăng ký làm giấy khai sang tên di chuyển cho người cuối cùng của tỉnh, thành phố Trung ương khác đó, nhưng chứng từ mua bán, cho, tặng xe phải hợp lệ theo quy định.

3.3. Xe là quà biếu, cho, tặng; xe tạm nhập; xe của Việt kiều hồi hương, xe dự án chưa hết hạn, chuyển nhượng tại Việt Nam:

3.3.1. Chủ xe làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số tại cơ quan đăng ký xe, sau đó đến cơ quan Hải quan để làm thủ tục nhập khẩu theo quy định và nộp lại hồ sơ

cho cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục sang tên, di chuyển cho chủ mới.

3.3.2. Trường hợp xe chưa làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số, nhưng đã được cơ quan Hải quan truy thu thuế nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng của Bộ Tài chính trả lời bằng văn bản không phải truy thu thuế thì được sang tên di chuyển và lưu văn bản vào hồ sơ xe. Riêng xe của Việt kiều hồi hương được mang theo định lượng miễn thuế theo quy định, nay không có nhu cầu sử dụng, được chuyển nhượng, sang tên di chuyển.

3.4. Xe nhập khẩu được miễn thuế đã sử dụng trên 10 năm; theo quy định của Bộ Tài chính thuế nhập khẩu bằng 0%; trường hợp chuyển nhượng hồ sơ chỉ cần: Tờ khai hàng hóa nhập khẩu phi mậu dịch hoặc tờ khai truy thu thuế nhập khẩu có xác nhận của Hải quan thì cũng được chuyển nhượng, sang tên di chuyển, đăng ký xe theo quy định nhưng phải kèm theo hồ sơ gốc đăng ký ban đầu.

3.5. Xe đã đăng ký hồ sơ xe đứng tên vợ và chồng và đăng ký xe ghi tên của vợ, chồng hoặc Giấy đăng ký xe chỉ đứng tên chồng hoặc vợ; hiện người đứng tên trong giấy đăng ký xe đã chết, xe không có tranh chấp thì được sang tên cho vợ hoặc chồng hoặc sang tên di chuyển cho người khác; nhưng phải xuất trình giấy tờ chứng minh là vợ chồng kèm theo

giấy chứng tử hoặc có xác nhận của địa phương về người đã chết.

4. Xe mô tô nhập khẩu trái phép, đã được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cho nộp thuế công thương nghiệp, đã đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước, thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

5. Xe đã đăng ký, nay phát hiện giấy chứng nhận nguồn gốc nhập khẩu (giấy Hải quan) giả hoặc bị tẩy xóa, đục lại số máy, số khung:

- Chuyển hồ sơ sang Cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp có kết luận bằng văn bản của Cơ quan điều tra không phải là xe trộm cắp, chiếm đoạt thì cơ quan đăng ký xe chuyển giao cho Cục Hải quan hoặc Cục thuế địa phương truy thu thuế. Sau khi có chứng từ truy thu thuế thì giải quyết đăng ký.

6. Xe đã đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước, nay cả lại số máy, số khung thấy khác nét chữ, số, nhưng vẫn đúng với số máy, số khung lưu trong hồ sơ gốc, thì chủ xe phải viết cam đoan và được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

7. Xe mô tô đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước có đóng dấu “không bán, đổi, cho, tặng” trên giấy đăng ký xe, nay không có tranh chấp, khiếu kiện thì được

giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

Đối với xe mô tô hai bánh nhập khẩu trái phép nhưng đã được cơ quan Hải quan truy thu thuế và đã đăng ký thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

8. Xe cải tạo đã đăng ký từ ngày 04/6/1996 trở về trước, trong hồ sơ thiếu biên bản kiểm nghiệm kỹ thuật theo quy định của Thông tư liên bộ số 223/TT/LB ngày 07/12/1979 của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

9. Xe lắp ráp tại Việt Nam đã đăng ký từ ngày 19/02/1998 trở về trước, nếu có bản sao giấy chứng nhận sản phẩm đầu tiên hoặc bản sao biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

10. Xe đã chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bị mất Đăng ký xe thì người mua xe phải viết cam đoan, xuất trình giấy tờ tùy thân, chứng từ chuyển nhượng hợp lệ, nếu không có tranh chấp khiếu kiện được sang tên, di chuyển theo quy định (xe sang tên trong tình thì in phiếu trả lời xác minh xe theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này, cấp cho người mua xe để làm thủ tục nộp lệ phí trước bạ).

11. Hồ sơ xe đã đăng ký đúng quy định nhưng do sơ xuất thiếu chữ ký của lãnh đạo phòng, đội, cán bộ đăng ký xe hoặc chưa đóng dấu trên Giấy khai đăng ký xe hoặc Giấy khai sang tên, di chuyển xe; Đăng ký xe có sai sót về địa chỉ, nhầm một số ký tự của số máy, số khung so với thực tế của xe hoặc thiếu bản sao biên lai thuế tiêu thụ đặc biệt (đối với xe quy định phải có) hoặc hồ sơ thiếu hóa đơn nổi, thiếu bản chụp Giấy phép lái xe, biên lai lệ phí đăng ký, thiếu thủ tục cải tạo thùng xe nhưng đã được ngành Giao thông cấp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật phương tiện cơ giới đường bộ thì đề xuất Trưởng phòng hướng dẫn công tác đăng ký, quản lý phương tiện (ở Cục) hoặc Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng Công an cấp huyện (ở địa phương) cho tiếp nhận giải quyết đăng ký.

12. Xe đã đăng ký là ô tô somi romoóc nay sang tên di chuyển hoặc xin tách hồ sơ thành: ô tô đầu kéo; romoóc; somi romoóc thì:

Hồ sơ gốc và biển số của xe ô tô somi romoóc dùng đăng ký cho ô tô đầu kéo; bản sao hồ sơ gốc của xe ô tô somi romoóc do Phòng Cảnh sát giao thông xác nhận dùng đăng ký cho romoóc, somi romoóc.

13. Cấp phù hiệu kiểm soát cho xe ô tô mang biển số khu kinh tế - Thương mại

đặc biệt theo quy định của Chính phủ vào hoạt động trong nội địa:

13.1. Thủ tục hồ sơ gồm giấy tờ sau:

- Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu (còn giá trị) hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu.

- Đăng ký xe.

- Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập, tái xuất theo mẫu quy định của Bộ Tài chính do cơ quan Hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

13.2. Cơ quan cấp phù hiệu kiểm soát (Phòng Cảnh sát giao thông) có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu với danh sách xe đang quản lý, ghi vào sổ theo dõi và cấp phù hiệu kiểm soát ngay trong ngày.

13.3. Phù hiệu kiểm soát có thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày cấp. Phù hiệu được dán ở phía trong góc trên, bên phải kính trước của xe.

13.4. Giấy cấp phù hiệu kiểm soát xe (mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này) và sổ theo dõi xe ô tô vào nội địa Việt Nam hoạt động (mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này) phải đánh số thứ tự từ 1 đến hết, đóng thành quyển và quản lý theo chế độ của Bộ Công an.

13.5. Mọi trường hợp xe tham gia giao thông trong nội địa Việt Nam mà không có phù hiệu hoặc phù hiệu hết hạn hoặc có hành vi làm giả phù hiệu hoặc có hành

vi vi phạm pháp luật khác đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

III. QUY ĐỊNH VỀ THU HỒI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE

1. Những trường hợp xe phải thu hồi đăng ký, biển số xe

1.1. Xe hỏng không sử dụng được hoặc bị phá hủy do tai nạn giao thông.

1.2. Xe tháo máy, khung để thay thế cho xe khác.

1.3. Xe tạm nhập của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tái xuất hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam.

1.4. Xe dự án được miễn thuế nhập khẩu, nay chuyển nhượng sang mục đích khác.

1.5. Xe đăng ký tại các khu Kinh tế Thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ khi tái xuất hoặc chuyển nhượng vào Việt Nam.

1.6. Xe bị mất cắp, chiếm đoạt không tìm được, chủ xe đề nghị thu hồi đăng ký, biển số xe.

1.7. Xe hết niên hạn sử dụng; xe không được phép lưu hành theo quy định của Chính phủ.

2. Trách nhiệm của các cơ quan chức năng trong việc thu hồi đăng ký, biển số xe

2.1. Đối với cơ quan thu hồi đăng ký, biển số xe:

2.1.1. Những trường hợp xe phải thu hồi đăng ký, biển số xe được quy định tại các điểm từ 1.1 đến 1.6 mục III Thông tư này, khi có nhu cầu đề nghị thu hồi đăng ký, biển số xe thì cơ quan thu hồi đăng ký, biển số xe phải rút hồ sơ đang quản lý để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe.

2.1.2. Căn cứ danh sách xe ô tô hết niên hạn sử dụng, xe không được phép lưu hành theo quy định của Chính phủ do cơ quan đăng kiểm cung cấp, cơ quan thu hồi biển số xe phải rà soát, rút hồ sơ xe quản lý riêng để làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số.

2.1.3. Phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn nơi chủ xe cư trú để thông báo yêu cầu chủ phương tiện có xe hết niên hạn sử dụng, xe công nông, xe tự chế 3, 4 bánh đến cơ quan Cảnh sát giao thông làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; trường hợp quá thời hạn, chủ xe không tự giác đến làm thủ tục thì phối hợp Công an cấp phường, xã thu hồi đăng ký, biển số xe.

2.1.4. Thông báo danh sách xe hết niên hạn sử dụng cho các đơn vị Công an của địa phương làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông để phát hiện và xử lý theo quy định của pháp luật.

2.2. Đối với các lực lượng Công an, Giao thông vận tải làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông:

2.2.1. Thông qua công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, nếu phát hiện xe ô tô hết niên hạn sử dụng, xe công nông, xe 3, 4 bánh tự chế tham gia giao thông trên địa bàn, các lực lượng Công an, Giao thông vận tải làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông phải lập biên bản đình chỉ lưu hành xe, tạm giữ đăng ký, biển số xe để bàn giao hoặc thông báo bằng văn bản cho Phòng Cảnh sát giao thông nơi đăng ký xe đó biết để làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe.

2.2.2. Trường hợp xe tai nạn giao thông bị phá hủy không sử dụng được thì cơ quan thụ lý giải quyết vụ tai nạn giao thông đó tạm giữ đăng ký, biển số xe (nếu có); thông báo bằng văn bản cho cơ quan đăng ký xe làm thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe.

3. Thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe

3.1. Chủ xe phải tự khai giấy khai thu hồi đăng ký, biển số xe (mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này), không phải mang xe đến, nhưng phải nộp lại đăng ký, biển số xe và giấy khai thu hồi đăng ký, biển số xe. Đối với xe bị mất cắp, chiếm đoạt thì chỉ cần giấy khai thu hồi đăng ký, biển số xe và đăng ký xe (nếu còn).

3.2. Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền tạm giữ xe đã hết niên hạn sử dụng hoặc hết thời hạn lưu hành hoặc xe tai nạn bị phá hủy không sử dụng được; xe bị xử lý vi phạm hành chính thu hồi đăng ký, biển số xe thì thủ tục thu hồi đăng ký, biển số xe chỉ cần Công văn thông báo của cơ quan tạm giữ xe và Biên bản vi phạm hành chính hoặc quyết định tạm giữ đăng ký, biển số xe (kèm theo đăng ký, biển số xe).

Sau khi tiếp nhận hồ sơ thu hồi đăng ký, biển số xe đầy đủ theo quy định trên, thì cơ quan thu hồi đăng ký xe cấp giấy chứng nhận thu hồi đăng ký xe cho chủ xe (mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này).

IV. QUẢN LÝ HỒ SƠ, BIỂN SỐ XE VÀ THẨM QUYỀN KÝ CÁC GIẤY TỜ

1. Quản lý hồ sơ xe

1.1. Hồ sơ đăng ký xe được quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an. Dữ liệu thông tin của xe được thống nhất quản lý trên hệ thống máy vi tính. Định kỳ hàng tháng, cơ quan đăng ký xe có trách nhiệm báo cáo số liệu đăng ký, quản lý xe về Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt để theo dõi, quản lý.

1.2. Hồ sơ xe lưu trữ tại cơ quan đăng ký xe bao gồm:

1.2.1. Các giấy tờ sau đây trong hồ sơ xe:

- Giấy khai đăng ký xe;
- Chứng từ nguồn gốc xe được quy định tại điểm 3.3 phần A mục II của Thông tư này.

Trường hợp xe sang tên, di chuyển hoặc đổi cấp lại đăng ký thì trong hồ sơ xe lưu trữ thêm: Đăng ký cũ; Giấy khai và phiếu sang tên, di chuyển.

1.2.2. Toàn bộ hồ sơ đăng ký xe đối với trường hợp sau:

- Hồ sơ xe tạm nhập chưa có thuế Hải quan theo quy định;
- Hồ sơ xe mang biển số thuộc Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ;
- Hồ sơ xe mua bán, cho, tặng chưa sang tên đổi chủ;
- Hồ sơ xe có số máy, số khung tẩy xóa đục lại không đúng quy định;
- Hồ sơ có vướng mắc tranh chấp hoặc khiếu kiện, hồ sơ phục vụ công tác nghiệp vụ;
- Hồ sơ xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ.

1.3. Quản lý hồ sơ thu hồi đăng ký, biển số xe:

1.3.1. Hồ sơ thu hồi đăng ký, biển số xe hết niên hạn sử dụng; xe tự chế hết hạn lưu hành theo quy định; xe bị tai nạn

phá hủy không sử dụng được; hồ sơ đăng ký xe tạm thời; biểu mẫu bị hỏng được lưu trữ, xử lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an. Sau 1 năm thì báo cáo Hội đồng hủy hồ sơ.

1.3.2. Biển số xe đã thu hồi phải được quản lý theo chế độ của Bộ Công an. Định kỳ 6 tháng phải báo cáo Cục trưởng cục Cảnh Sát giao thông đường bộ - Đường sắt (ở Bộ), Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (ở địa phương) thành lập Hội đồng hủy biển số xe đã thu hồi, Biển số xe đã hủy không được sử dụng để đăng ký cấp lại cho xe khác.

1.3.3. Thành phần Hội đồng hủy hồ sơ, biểu mẫu, biển số xe gồm:

- Ở Bộ: Hội đồng do Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt làm Chủ tịch, Trưởng phòng Xây dựng lực lượng, hậu cần và Trưởng phòng hướng dẫn công tác đăng ký quản lý phương tiện cơ giới đường bộ thuộc Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt là ủy viên.

- Ở Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng do Giám đốc Công an tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương làm chủ tịch; Chánh Thanh tra, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông là ủy viên; trường hợp ở cấp huyện thì có thêm Trưởng Công an cấp huyện là ủy viên.

2. Quy định về biển số xe:

2.1. Xe đăng ký tại Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào thì biển số xe mang ký hiệu của Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt hoặc tỉnh, thành phố đó (phụ lục 01 kèm theo Thông tư này). Xe của cơ quan, tổ chức và cá nhân người nước nào thì có thêm ký hiệu riêng của nước đó (phụ lục 02 kèm theo Thông tư này).

2.2. Biển số xe của các tổ chức, cá nhân trong nước:

- Xe không làm kinh doanh của cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan quyền lực nhà nước; cơ quan xét xử; kiểm sát; lực lượng Công an nhân dân; các cơ quan của Đảng; tổ chức chính trị xã hội: Biển số nền màu xanh, chữ và số màu trắng; sê ri biển số sử dụng 1 trong 5 chữ cái sau đây: A, B, C, D, E.

- Xe của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; xe làm kinh tế của cơ quan nhà nước, của tổ chức sự nghiệp, sự nghiệp có thu; xe cá nhân: Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen; sê ri biển số sử dụng 1 trong 15 chữ cái sau đây: F, H, K, L, M, N, P, R, S, T, U, V, X, Y, Z, trừ một số trường hợp có ký hiệu riêng sau đây:

+ Xe Quân đội làm kinh tế có ký hiệu "KT".

+ Xe của các liên doanh nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, xe thuê của nước ngoài (có giấy phép đầu tư) có ký hiệu “LD”.

+ Xe của các dự án đầu tư nước ngoài có ký hiệu “DA”.

+ Rơ moóc, semi rơmoóc có ký hiệu “R”.

+ Xe đăng ký tạm có ký hiệu “T”

+ Máy kéo có ký hiệu “MK”

+ Xe máy điện có ký hiệu “MĐ”

- Xe của Khu kinh tế thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ có ký hiệu địa phương đăng ký và hai chữ cái viết tắt của Khu kinh tế thương mại đặc biệt; màu sắc biển số: nền biển màu vàng, chữ và số màu đỏ.

2.3. Biển số xe cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài:

- Xe của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và nhân viên nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự làm việc cho các cơ quan đó: biển số nền màu trắng, số màu đen; có sê ri ký hiệu “NG” màu đỏ. Riêng biển số xe của Đại sứ và Tổng Lãnh sự có thêm gạch màu đỏ đè ngang lên giữa các chữ số chỉ quốc tịch và thứ tự đăng ký.

- Xe của cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài được

hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ lãnh sự làm việc cho các tổ chức đó: biển số nền màu trắng, số màu đen; có sê ri ký hiệu “QT” màu đỏ. Riêng biển số xe của người đứng đầu cơ quan đại diện các tổ chức của Liên hợp quốc, có thêm gạch màu đỏ đè ngang lên giữa các chữ số chỉ ký hiệu xe của tổ chức quốc tế đó và thứ tự đăng ký.

- Xe của tổ chức; văn phòng đại diện; cá nhân nước ngoài (kể cả lưu học sinh): biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen, có ký hiệu “NN”.

2.4. Chất liệu và kích thước của biển số:

- Biển số xe được sản xuất bằng kim loại, biển số xe tạm thời bằng giấy.

- Biển số xe ô tô gồm 2 biển không giống nhau về kích thước nhưng giống về chữ và số trong biển; 1 biển gắn phía trước và 1 biển gắn phía sau xe; có kích thước như sau:

+ Biển số dài: chiều cao 110 mm, chiều dài 470 mm.

+ Biển số ngắn: chiều cao 200 mm, chiều dài 280 mm.

- Biển số rơmoóc, semi rơmoóc: 1 biển gắn phía sau thành xe; kích thước: chiều cao 200 mm, chiều dài 280 mm.

- Biển số xe mô tô, máy kéo, xe máy điện: 1 biển gắn phía sau xe; kích thước: chiều cao 140 mm, chiều dài 190 mm.

2.5. Kích thước của chữ và số trên biển số các loại xe ô tô, mô tô, máy kéo, xe máy điện, rơmoóc; sômi rơmoóc thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2.6. Chỉ các cơ sở được phép của cơ quan Công an có thẩm quyền mới được sản xuất biển số xe. Việc sản xuất, cung cấp biển số xe được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan đăng ký xe. Biển số xe phải được quản lý chặt chẽ theo chế độ quy định.

3. Quy định kẻ biển số, chữ trên thành, cửa xe ô tô

Đối với các loại xe ô tô (trừ các loại xe ô tô có 09 chỗ ngồi trở xuống), chủ xe phải chấp hành các quy định như sau:

3.1. Kẻ biển số ở thành sau xe và hai bên thành xe.

3.2. Kẻ tải trọng, tự trọng vào hai bên cánh cửa xe.

3.3. Kẻ tên cơ quan, đơn vị vào hai bên cánh cửa xe (trừ xe riêng của công dân Việt Nam).

4. Ghi thời hạn sử dụng của giấy đăng ký xe:

4.1. Trong giấy đăng ký xe ô tô của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài làm việc trong cơ quan, tổ chức đó, tại mục: “Đăng ký xe có giá trị đến ngày, tháng, năm” ghi

theo thời hạn trong giấy giới thiệu của Cục Lễ tân nhà nước hoặc Sở Ngoại vụ.

4.2. Trong giấy đăng ký xe của tổ chức, cá nhân trong nước, tại mục: “Đăng ký xe có giá trị đến ngày, tháng, năm” ghi theo niên hạn sử dụng của xe theo quy định của Chính phủ.

5. Thẩm quyền ký các loại giấy tờ

5.1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký giấy đăng ký xe mẫu số 09 (mô tô, xe máy và xe máy điện) và các mẫu số 10, 11, 12, 13 ban hành kèm theo Thông tư này và các loại giấy tờ khác có liên quan đến công tác đăng ký, quản lý. Riêng Trưởng phòng Cảnh sát giao thông có khu kinh tế thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ thì ký thêm các mẫu số 14, 15, 16 ban hành kèm theo Thông tư này.

5.2. Trưởng Công an cấp huyện ký giấy đăng ký mô tô mẫu số 09 (mô tô, xe máy và xe máy điện), mẫu 12 ban hành kèm theo Thông tư này và các loại giấy có liên quan đến công tác đăng ký, quản lý xe mô tô tại địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2009 và thay thế các

Thông tư số 01/2007/TT-BCA-C11 ngày 02/01/2007 hướng dẫn tổ chức cấp đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Thông tư số 12/2008/TT-BCA-C11 ngày 20/8/2008 bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2007/TT-BCA; Thông tư số 01/2008/TT-BCA-C11 ngày 22/02/2008 hướng dẫn việc cấp và quản lý phù hiệu kiểm soát hoạt động của xe ô tô mang biển số 74 LB thuộc khu kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo tỉnh Quảng Trị vào nội địa.

2. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công an để thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, nảy sinh, các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Tổng cục Cảnh sát) để có hướng dẫn kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Trần Đại Quang

09602303

DANH MỤC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ
XE ÔTÔ TẠI CỤC CSGT ĐB-ĐS (BỘ CÔNG AN)
(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11
ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)

TT	Tên cơ quan, đơn vị
1	Văn phòng và các Ban của Trung ương Đảng
2	Văn phòng Chủ tịch nước
3	Văn phòng Quốc hội
4	Văn phòng Chính phủ
5	Xe phục vụ các đồng chí là thành viên Chính phủ, các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng công tác tại Hà Nội; xe do lãnh đạo Bộ Công an, Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát phê duyệt
6	Văn phòng Bộ Ngoại giao
7	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
8	Tòa án nhân dân tối cao
9	Đài truyền hình Việt Nam
10	Đài tiếng nói Việt Nam
11	Thông tấn xã Việt Nam
12	Báo Nhân dân
13	Thanh tra Chính phủ
14	Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh
15	Ban quản lý Lăng, Bảo tàng, Khu di tích lịch sử Hồ Chí Minh
16	Trung tâm lưu trữ quốc gia
17	Các Đại sứ quán, Tổ chức quốc tế và nhân viên người nước ngoài
18	Kiểm toán Nhà nước
19	Ủy ban chứng khoán Nhà nước

09602303

TT	Tên cơ quan, đơn vị
20	Văn phòng Bộ Nội vụ
21	Văn phòng Tổng cục Hải quan
22	Văn phòng Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam
23	Văn phòng Tổng Công ty hàng không Việt Nam

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Trần Đại Quang

Phụ lục 01

KÝ HIỆU BIÊN SỐ XE ÔTÔ - MÔ TÔ TRONG NƯỚC

*(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11**ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)*

TT	Tên địa phương	Ký hiệu
1	Cao Bằng	11
2	Lạng Sơn	12
3	Quảng Ninh	14
4	Hải Phòng	15-16
5	Thái Bình	17
6	Nam Định	18
7	Phú Thọ	19
8	Thái Nguyên	20
9	Yên Bái	21
10	Tuyên Quang	22
11	Hà Giang	23
12	Lào Cai	24
13	Lai Châu	25
14	Sơn La	26
15	Điện Biên	27
16	Hòa Bình	28
17	Hà Nội	29-33+40
18	Hải Dương	34
19	Ninh Bình	35
20	Thanh Hóa	36
21	Nghệ An	37
22	Hà Tĩnh	38
23	TP. Đà Nẵng	43

TT	Tên địa phương	Ký hiệu
24	Đắk Lắk	47
25	Đắk Nông	48
26	Lâm Đồng	49
27	TP. Hồ Chí Minh	50-59
28	Đồng Nai	39; 60
29	Bình Dương	61
30	Long An	62
31	Tiền Giang	63
32	Vĩnh Long	64
33	Cần Thơ	65
34	Đồng Tháp	66
35	An Giang	67
36	Kiên Giang	68
37	Cà Mau	69
38	Tây Ninh	70
39	Bến Tre	71
40	Bà Rịa - Vũng Tàu	72
41	Quảng Bình	73
42	Quảng Trị	74
43	Thừa Thiên Huế	75
44	Quảng Ngãi	76
45	Bình Định	77
46	Phú Yên	78

TT	Tên địa phương	Ký hiệu
47	Khánh Hòa	79
48	Cục CSGT ĐB-ĐS	80
49	Gia Lai	81
50	Kon Tum	82
51	Sóc Trăng	83
52	Trà Vinh	84
53	Ninh Thuận	85
54	Bình Thuận	86
55	Vĩnh Phúc	88

TT	Tên địa phương	Ký hiệu
56	Hưng Yên	89
57	Hà Nam	90
58	Quảng Nam	92
59	Bình Phước	93
60	Bạc Liêu	94
61	Hậu Giang	95
62	Bắc Kạn	97
63	Bắc Giang	98
64	Bắc Ninh	99

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Trần Đại Quang

09602303

Phụ lục số 02

KÝ HIỆU BIÊN SỐ XE ÔTÔ, MÔ TÔ CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11
ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)

TT	Tên nước	Ký hiệu
1	Áo	001 - 005
2	An ba ni	006 - 010
3	Anh và bắc Ailen	011 - 015
4	Ai Cập	016 - 020
5	A Zec bai zan	021 - 025
6	Ấn Độ	026 - 030
7	Ăng gô la	031 - 035
8	Ap ga ni xtan	036 - 040
9	An giê ri	041 - 045
10	Ac hen ti na	046 - 050
11	Ác mê ni a	051 - 055
12	Ai xơ len	056 - 060
13	Bỉ	061 - 065
14	Ba Lan	066 - 070
15	Bồ Đào Nha	071 - 075
16	Bun ga ri	076 - 080
17	Buốc ki na pha xô	081 - 085
18	Bra xin	086 - 090
19	Băng la đét	091 - 095
20	Bê la rút	096 - 100
21	Bô li vi a	101 - 105
22	Bê nanh	106 - 110
23	Bru nây	111 - 115
24	Bu run đi	116 - 120

09602303

TT	Tên nước	Ký hiệu
25	Cu Ba	121 - 125
26	Cốt đi voa	126 - 130
27	Công Gô (Brazaville-i)	131 - 135
28	Công Gô (Da-i-a)	136 - 140
29	Chi Lê	141 - 145
30	Cô lôm bi a	146 - 150
31	Ca mơn run	151 - 155
32	Ca na đa	156 - 160
33	Cô oét	161 - 165
34	Cam pu chia	166 - 170
35	Cư rơ gư xtan	171 - 175
36	Ca ta	176 - 180
37	Cáp ve	181 - 185
38	Cốt xta ri ca	186 - 190
39	Đức	191 - 195
40	Dăm bi a	196 - 200
41	Dim ba bu ê	201 - 205
42	Đan Mạch	206 - 210
43	Ê cu a đo	211 - 215
44	Ê ri tơ rê	216 - 220
45	Êti ô pia	221 - 225
46	Ex tô nia	226 - 230
47	Guyana	231 - 235
48	Ga bông	236 - 240
49	Găm bi a	241 - 245
50	Gi bu ti	246 - 250
51	Gru di a	251 - 255
52	Gioóc đa ni	256 - 260
53	Ghi nê	261 - 265

09602303

TT	Tên nước	Ký hiệu
54	Ga na	266 - 270
55	Ghi nê bít xao	271 - 275
56	Grê na đa	276 - 280
57	Ghi nê xích đạo	281 - 285
58	Goa tê ma la	286 - 290
59	Hung ga ri	291 - 295
60	Hoa Kỳ	296 - 300
61	Hà Lan	301 - 305
62	Hy Lạp	306 - 310
63	Ha mai ca	311 - 315
64	In đô nê xia	316 - 320
65	I ran	321 - 325
66	I rắc	326 - 330
67	I ta li a	331 - 335
68	Ixraen	336 - 340
69	Ka dắc tan	341 - 345
70	Lào	346 - 350
71	Li băng	351 - 355
72	Li bi	356 - 360
73	Luc xăm bua	361 - 365
74	Lít va	366 - 370
75	Lát vi a	371 - 375
76	My an ma	376 - 380
77	Mông Cổ	381 - 385
78	Mô dăm bích	386 - 390
79	Ma đa gat xca	391 - 395
80	Môn đô va	396 - 400
81	Man đi vơ	401 - 405
82	Mê hi cô	406 - 410

TT	Tên nước	Ký hiệu
83	Ma li	411 - 415
84	Ma lay xi a	416 - 420
85	Ma rốc	421 - 425
86	Mô ri ta ni	426 - 430
87	Man ta	431 - 435
88	Mac xan	436 - 440
89	Nga	441 - 445
90	Nhật Bản	446 - 450
91	Ni ca ra goa	451 - 455
92	Niu di lân	456 - 460
93	Ni giê	461 - 465
94	Ni giê ri a	466 - 470
95	Na mi bi a	471 - 475
96	Nê pan	476 - 480
97	Nam Phi	481 - 485
98	Nam Tư	486 - 490
99	Na uy	491 - 495
100	Ô man	496 - 500
101	Ô xtơ rây lia	501 - 505
102	Pháp	506 - 510
103	Phi ga	511 - 515
104	Pa ki xtan	516 - 520
105	Phần Lan	521 - 525
106	Phi lip pin	526 - 530
107	Pa le xtin	531 - 535
108	Pa na ma	536 - 540
109	Pa pua niu ghi nê	541 - 545
110	Tổ chức quốc tế	546 - 550
111	Ru an đa	551 - 555

TT	Tên nước	Ký hiệu
112	Ru ma ni	556 - 560
113	Sát	561 - 565
114	Séc	566 - 570
115	Síp	571 - 575
116	Tây ban nha	576 - 580
117	Thụy Điển	581 - 585
118	Tan da ni a	586 - 590
119	Tô gô	591 - 595
120	Tát gi ki xtan	596 - 600
121	Trung Hoa	601 - 605
122	Thái Lan	606 - 610
123	Tuốc mê ni xtan	611 - 615
124	Tuy ni di	616 - 620
125	Thổ Nhĩ Kỳ	621 - 625
126	Thụy Sĩ	626 - 630
127	Triều Tiên	631 - 635
128	Hàn Quốc	636 - 640
129	Tiểu vương quốc Ả Rập	641 - 645
130	Tây xa moa	646 - 650
131	U crai na	651 - 655
132	U dơ bê ki xtan	656 - 660
133	U gan đa	661 - 665
134	U ru goay	666 - 670
135	Va nu a tu	671 - 675
136	Vê nê zu ê la	676 - 680
137	Xu đấng	681 - 685
138	Xi ê ra lê ôn	686 - 690
139	Xinh ga po	691 - 695
140	Xri lan ca	696 - 700

09602363

TT	Tên nước	Ký hiệu
141	Xô ma li	701 - 705
142	Xê nê gan	706 - 710
143	Xy ri	711 - 715
144	Xa ra uy	716 - 720
145	Xây sen	721 - 725
146	Xao tô mê và prin xi pe	726 - 730
147	Xlô va kia	731 - 735
148	Y ê men	736 - 740
149	Công quốc liechtenstein	741 - 745
150	Hồng Kông	746 - 750
151	Đài Loan	885 - 890
152	Đông ti mo	751 - 755
153	Phái đoàn Ủy ban Châu Âu (EU)	756 - 760
154	Ả rập xê út	761 - 765

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

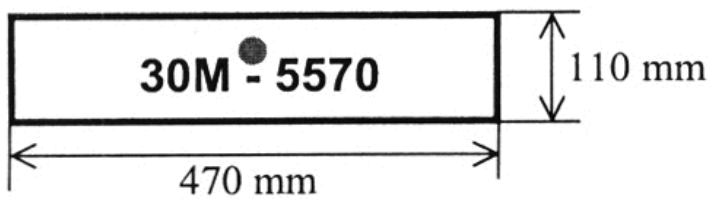
Trung tướng Trần Đại Quang

Phụ lục 03

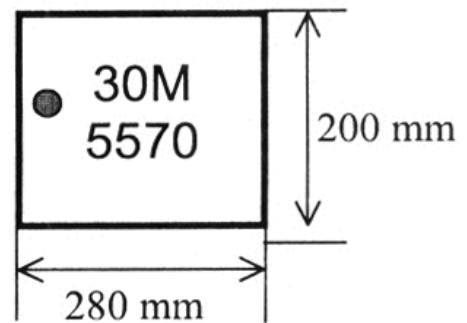
**QUY ĐỊNH KÍCH THƯỚC CỦA CHỮ VÀ SỐ TRÊN BIỂN SỐ ÔTÔ, MÔ TÔ,
MÁY KÉO, XE MÁY ĐIỆN, RƠ MOỐC, SƠMI RƠMOỐC CỦA TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI**

*(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11
ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)*

1. Biển số ô tô, rơ moóc, sơmi rơmoóc trong nước



H1: Biển số dài



H1: Biển số ngắn

1.1. Cách bố trí chữ và số trên biển số:

Biển số gồm các nhóm chữ và số sắp xếp cụ thể như sau:

- Hai số đầu là ký hiệu địa phương đăng ký xe (theo phụ lục 01 kèm theo Thông tư này) và xê ri đăng ký được quy định tại điểm 2.2 phần IV Thông tư này.

- Nhóm số thứ hai là thứ tự xe đăng ký gồm 04 chữ số tự nhiên, từ 0001 đến 9999

Ví dụ: Trên biển số hình vẽ H1 thể hiện

+ 30 là ký hiệu địa phương đăng ký.

+ M là xê ri biển số đăng ký.

+ 5570 là thứ tự đăng ký.

Đối với biển số ngắn: Ký hiệu địa phương nơi đăng ký và xê ri biển số đăng ký được đặt ở chính giữa hàng phần trên của biển số. Nhóm 4 số hàng dưới là thứ tự đăng ký được sắp xếp cân xứng với nhóm số và chữ hàng trên của biển số.

1.2. Về kích thước chữ và số:

- Chiều cao của chữ và số: 80 mm

- Chiều rộng của chữ và số: 45 mm.

- Nét đậm của chữ và số: 10 mm.

- Khoảng cách giữa các chữ và số: 10 mm. Riêng khoảng cách giữa các số với số 1 là 20 mm.

1.3. Vị trí ký hiệu trên biển số cụ thể như sau:

- Đối với biển số dài: Cảnh sát hiệu đập phía trên của gạch ngang, cách mép trên biển số 5 mm.

- Đối với biển số ngắn: Cảnh sát hiệu được đập ở vị trí giữa hai hàng chữ số của biển số, cách mép trái biển số 5 mm.

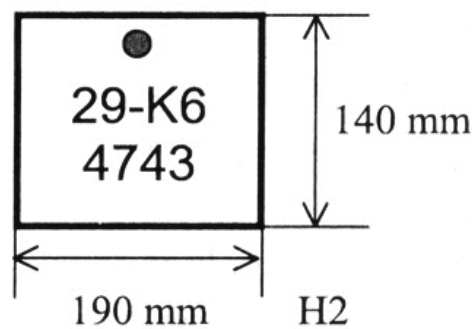
2. Biển số mô tô trong nước

2.1. Cách bố trí chữ và số trên biển số:

2.1.1. Biển số gồm các nhóm chữ và số sắp xếp cụ thể như sau:

- Nhóm số thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe và xe ri đăng ký. Giữa ký hiệu địa phương và xe ri đăng ký được phân cách bằng dấu gạch ngang (-).

- Nhóm số thứ hai là thứ tự xe đăng ký gồm 04 chữ số tự nhiên, từ 0001 đến 9999.



Ví dụ trên biển số hình vẽ H2 thể hiện:

+ 29 chỉ ký hiệu địa phương đăng ký.

+ K6 chỉ ký hiệu xe ri đăng ký.

+ 4743 số thứ tự đăng ký.

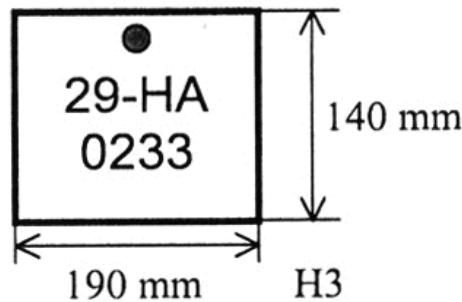
2.1.2. Cách sử dụng chữ và số trong xe ri đăng ký của biển số như sau:

2.1.2.1 Xe gắn máy có dung tích xi lanh dưới 50 cm³:

- Xe không làm kinh doanh của cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan quyền lực nhà nước; cơ quan xét xử, kiểm sát; lực lượng Công an nhân dân; các cơ quan của Đảng; tổ chức chính trị - xã hội: Xe ri đăng ký gồm 1 chữ cái (A, B, C, D, E) kết hợp với 1 trong các chữ cái sau: A, B, C, D, E, F, H, K, L, M, N, P, R, S, T, U, V, X, Y, Z.

- Xe của các doanh nghiệp; xe làm kinh tế của cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức sự nghiệp; sự nghiệp có thu; xe cá nhân: Gồm 1 chữ cái (F, H, K, L, M, N, P, R, S, T, U, V, X, Y, Z) kết hợp với 1 trong các chữ cái sau: A, B, C, D, E, F, H, K, L, M, N, P, R, S, T, U, V, X, Y, Z.

Để tránh nhầm lẫn với mô tô của liên doanh và dự án, máy kéo, xe máy điện, xe ri đăng ký mô tô dưới 50 cm^3 của cá nhân, doanh nghiệp đơn vị sự nghiệp, công ích, tổ chức xã hội không kết hợp chữ L và chữ D (LD) hoặc kết hợp chữ D và chữ A (DA) hoặc kết hợp chữ M và chữ K (MK) có xêri từ MK1 đến MK9; hoặc chữ M và chữ Đ (MĐ) có xêri từ MĐ1 đến MĐ9



2.1.2.2. Mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm^3 đến dưới 175 cm^3 :

- Xe không làm kinh doanh của cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan quyền lực nhà nước; cơ quan xét xử, kiểm sát; lực lượng Công an nhân dân; các cơ quan của Đảng; tổ chức chính trị - xã hội: dùng chữ B, C, D, E kết hợp với 1 chữ số tự nhiên từ 1 đến 9.

- Xe của các doanh nghiệp; xe làm kinh tế của cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức sự nghiệp; sự nghiệp có thu; xe cá nhân: gồm 1 chữ cái (F, H, K, L, M, N, P, R, S, T, U, V, X, Y, Z) kết hợp với 1 chữ số tự nhiên từ 1 đến 9.

2.1.2.3. Mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm^3 trở lên: gồm 1 chữ cái A kết hợp với 1 chữ số tự nhiên từ 1 đến 9. Được phân bổ như sau:

- Xe không làm kinh doanh của cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan quyền lực nhà nước; cơ quan xét xử, kiểm sát; lực lượng Công an nhân dân; các cơ quan của Đảng; tổ chức chính trị - xã hội sử dụng bốn số đầu: A1, A2, A3, A4.

- Xe của các doanh nghiệp; xe làm kinh tế của cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức sự nghiệp; sự nghiệp có thu; xe cá nhân: sử dụng A5, A6, A7, A8, A9.

2.2. Kích thước của chữ và số trên biển số mô tô

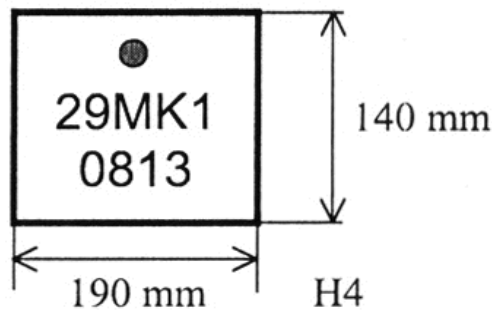
- Chiều cao của chữ và số: 55 mm
- Chiều rộng của chữ và số: 22 mm
- Nét đậm của chữ và số: 8 mm
- Khoảng cách giữa các chữ và số: 19 mm.

2.3. Vị trí ký hiệu trên biển số cụ thể như sau: Cảnh sát hiệu được dập ở vị trí phía trên gạch ngang hàng trên của biển số, cách mép trên của biển số 5 mm.

3. Biển số máy kéo, xe máy điện

3.1. Biển số gồm các nhóm chữ và số sắp xếp cụ thể như sau:

- Nhóm số thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe và xê ri đăng ký. Giữa ký hiệu địa phương và xê ri đăng ký được phân cách bằng dấu gạch ngang (-).
- Nhóm số thứ hai là thứ tự xe đăng ký gồm 04 chữ số tự nhiên, từ 0001 đến 9999.



Ví dụ trên biển số hình vẽ H4 thể hiện:

- + 29 chỉ ký hiệu địa phương đăng ký.
- + MK1 chỉ ký hiệu xê ri đăng ký.
- + 0813 số thứ tự đăng ký.

3.2. Kích thước của chữ và số trên biển số máy kéo, xe máy điện

- Chiều cao của chữ và số: 55 mm
- Chiều rộng của chữ và số: 22 mm
- Nét đậm của chữ và số: 8 mm
- Khoảng cách giữa các chữ và số: 19 mm.

3.3. Vị trí ký hiệu trên biển số cụ thể như sau: Cảnh sát hiệu được dập ở vị trí phía trên gạch ngang hàng trên của biển số, cách mép trên của biển số 5mm.

4. Biển số ô tô của nước ngoài

4.1. Cách bố trí chữ và số của biển số: Biển số gồm các nhóm chữ và số sắp xếp cụ thể như sau:

- Nhóm thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe và xê ri đăng ký.
- Nhóm thứ hai là ký hiệu tên nước, tổ chức quốc tế (phụ lục 02 kèm theo Thông tư này).
- Nhóm thứ ba là thứ tự xe đăng ký gồm 02 chữ số tự nhiên, từ 01 đến 99.

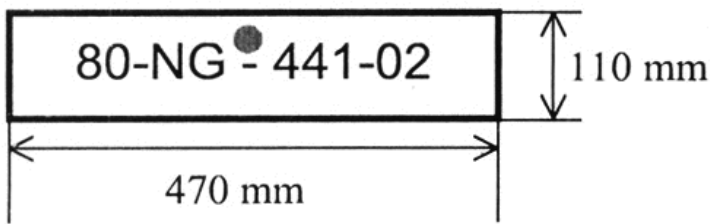
Giữa ký hiệu địa phương và xê ri đăng ký, ký hiệu tên nước, thứ tự đăng ký được phân cách bằng gạch ngang (-).

Ví dụ: Trên biển số hình vẽ số H5

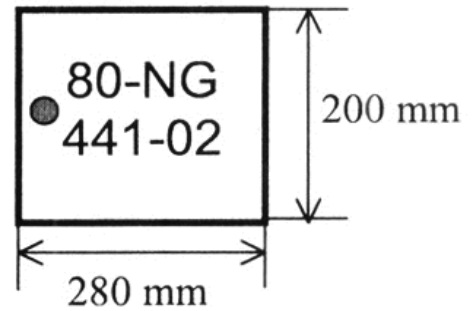
+ 80 là ký hiệu địa phương đăng ký

+ NG là xê ri chỉ thân phận ngoại giao của chủ xe (NN là xê ri dùng cho xe của người nước ngoài không có thân phận ngoại giao. QT là xê ri dùng cho xe của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài có thân phận ngoại giao làm việc cho các tổ chức đó).

+ 441 là ký hiệu tên nước, tổ chức, quốc tế; 02 là chỉ số thứ tự xe đăng ký.



H5: Biển số dài



H5: Biển số ngắn

2.9.2. Kích thước chữ và số trên biển số:

- Chiều cao của chữ và số: 73 mm
- Chiều rộng của chữ và số: 32 mm
- Nét đậm của chữ và số: 10 mm
- Kích thước gạch ngang (-): 20 x 10 mm
- Khoảng cách giữa các chữ và số: 10 mm. Riêng khoảng cách giữa các số với số 1 là 20 mm.

4.2. Vị trí ký hiệu trên biển số cụ thể như sau:

- Đối với biển số dài: Cảnh sát hiệu đập phía trên của gạch ngang, cách mép trên biển số 5 mm.
- Đối với biển số ngắn: Cảnh sát hiệu được đập ở vị trí giữa hai hàng chữ số của biển số, cách mép trái biển số 5 mm.

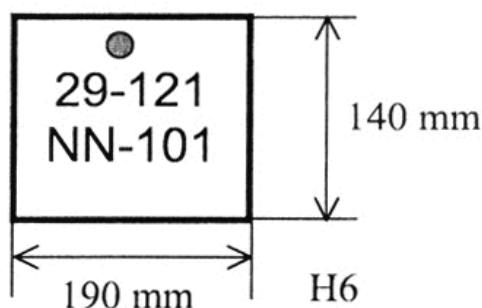
5. Biển số mô tả của người nước ngoài

5.1. Cách bố trí chữ và số trên biển số:

Biển số gồm các nhóm chữ và số sắp xếp cụ thể như sau:

- Nhóm thứ nhất là ký hiệu địa phương đăng ký xe
- Nhóm thứ hai là ký hiệu tên nước của chủ xe.
- Nhóm thứ ba là xê ri đăng ký.

- Nhóm thứ tư xe đăng ký gồm 03 chữ số tự nhiên từ 001 đến 999.



- Giữa ký hiệu địa phương và ký hiệu tên nước, xê ri đăng ký và thứ tự đăng ký được phân cách bằng gạch ngang (-).

Ví dụ: Trên biển số hình vẽ H6 thể hiện:

- + 29 là ký hiệu địa phương đăng ký
- + 121 là ký hiệu tên nước (quy định tại phụ lục 02 ban hành theo Thông tư này)
- + NN là xê ri đăng ký dùng cho xe của người nước ngoài.
- + 101 là số thứ tự xe đăng ký.

5.2. Về thứ tự đăng ký:

- Mô tô có dung tích xi lanh dưới 50 cm³ có thứ tự đăng ký từ 001 đến 400.
- Mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm³ đến dưới 175 cm³, có thứ tự đăng ký từ 401 đến 900.
- Mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên, có thứ tự đăng ký từ 901 đến 999.

5.3. Kích thước chữ và số:

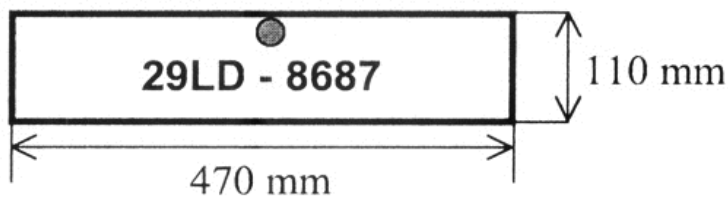
- Chiều cao của chữ và số: 55 mm
- Chiều rộng của chữ và số: 22 mm
- Nét đậm của chữ và số: 8 mm
- Khoảng cách giữa các chữ và số: 19 mm. Riêng khoảng cách giữa các số và số 1 là 35 mm.

5.4. Vị trí ký hiệu trên biển số cụ thể như sau:

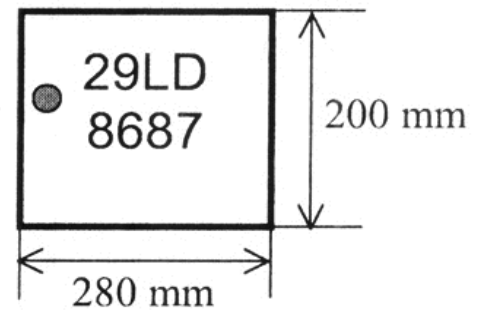
Cảnh sát hiệu được dập ở vị trí phía trên gạch ngang hàng trên của biển số, cách mép trên của biển số 5 mm.

6. Biển số ô tô, mô tô của liên doanh, dự án, xe quân đội làm kinh tế

6.1. Kích thước chữ và số của biển số ô tô, mô tô của các liên doanh, dự án, xe quân đội làm kinh tế: như biển số ô tô, mô tô trong nước.



H7: Biển số dài



H7: Biển số ngắn

- Ví dụ: Trên biển số hình vẽ H7 thể hiện:

+ 29 chỉ ký hiệu địa phương đăng ký

+ LD chỉ xe ri đăng ký dùng cho xe của liên doanh nước ngoài, xe chuyên dùng thuê của nước ngoài (DA là xe ri đăng ký xe của dự án, KT là xe của quân đội làm kinh tế).

+ 8687 là số thứ tự xe đăng ký.

6.2. Về thứ tự đăng ký xe mô tô của liên doanh và dự án:

- Mô tô có dung tích xi lanh dưới 50 cm^3 có thứ tự đăng ký từ 0001 đến 4000.

- Mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm^3 đến dưới 175 cm^3 , có thứ tự đăng ký từ 4001 đến 9000.

- Mô tô có dung tích xi lanh từ 175 cm^3 trở lên, có thứ tự đăng ký từ 9001 đến 9999.

7. Biển số xe Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ

Ô tô, mô tô của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong Khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ; 2 chữ cái (chỉ xe ri đăng ký theo địa danh của Khu kinh tế - Thương mại đặc biệt). Biển số ô tô cách bố trí số và chữ, kích thước chữ và số như biển số trong nước. Mẫu giấy đăng ký sử dụng mẫu số 14, 15, 16 ban hành kèm theo theo Thông tư này, nhưng có nền màu hồng.

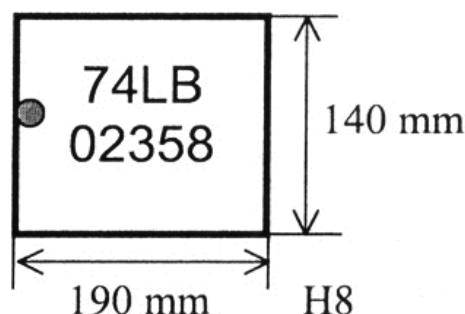
7.1. Cách bố trí chữ và số của biển số mô tô:

- Ví dụ: Trên biển số hình vẽ H8 thể hiện:

+ 74 chỉ ký hiệu địa phương đăng ký (Quảng Trị)

+ LB là chữ viết tắt tên khu kinh tế thương mại Lao Bảo.

+ 02358 là ký hiệu thứ tự đăng ký gồm 5 chữ số tự nhiên từ 00001 đến 99999.



7.2. Kích thước chữ và số:

- Chiều cao của chữ và số: 55 mm
- Chiều rộng của chữ và số: 22 mm
- Chiều rộng của nét chữ và số: 8 mm
- Khoảng cách giữa các chữ và số: 19 mm. Riêng khoảng cách giữa các chữ số và số 1 là 35 mm.

7.3. Vị trí ký hiệu trên biển số cụ thể như sau:

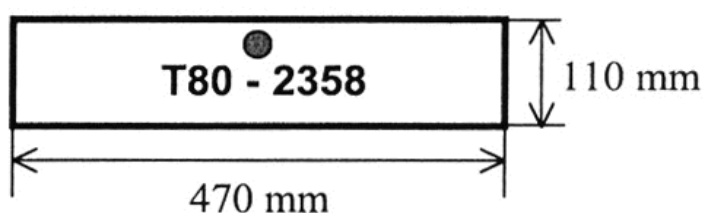
Cảnh sát hiệu được dập ở vị trí giữa hai hàng chữ số của biển số, cách mép trái biển số 5 mm.

8. Quy định về biển số đăng ký tạm

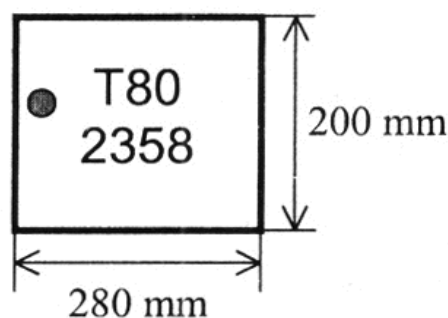
Biển số xe tạm thời bằng giấy, kích thước của biển số theo quy định trên. Trong trường hợp đặc biệt xe phục vụ chính trị, hội nghị, thể thao theo yêu cầu của Chính phủ, biển đăng ký tạm được làm bằng kim loại, biển số nền màu xanh, chữ và số màu trắng, có ký hiệu riêng.

8.1. Đối với biển số ô tô tạm thời:

- Biển dài: Nhóm thứ nhất gồm chữ “T” và ký hiệu địa phương đăng ký. Nhóm thứ hai là thứ tự đăng ký, từ 0001 đến 9999. Giữa hai nhóm có gạch ngang (-).
- Biển ngắn: + Hàng trên gồm chữ “T” và ký hiệu địa phương đăng ký
+ Hàng dưới là thứ tự đăng ký, từ 0001 đến 9999.



H9: Biển số dài



H9: Biển số ngắn

Ví dụ: Trên biển số hình vẽ H9 thể hiện:

- + T: Ký hiệu đăng ký tạm.
- + 80 chỉ ký hiệu nơi đăng ký
- + 2358 là ký hiệu thứ tự đăng ký.

- Vị trí ký hiệu chống làm giả như quy định đối với biển số ô tô trong nước.

8.2. Đối với biển số mô tô tạm thời:

- Về kích thước như biển số mô tô trong nước.

- Cách bố trí chữ và số như biển đăng ký tạm thời ô tô (biển ngắn).

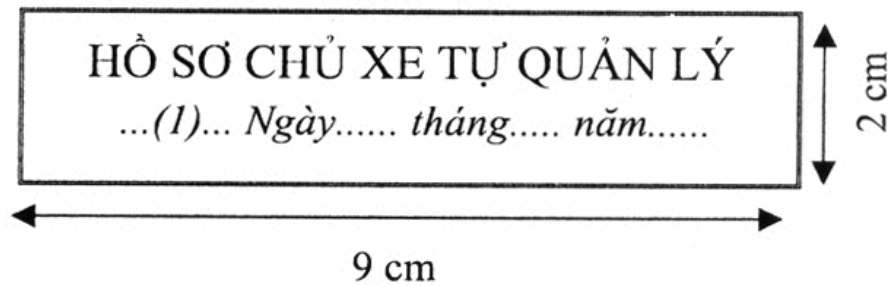
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Trần Đại Quang

Mẫu số 01

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009
của Bộ Công an)

Mẫu dấu tiêu đề đóng vào hồ sơ giao chủ xe tự quản lý



Giải thích mẫu số 01:

- (1) Ở Bộ ghi “Cục CSGTĐB-ĐS”; ở Công an cấp tỉnh, ghi “PC26...”; ở Công an cấp huyện, ghi “CA huyện (quận, TP, TX)...”
- Kích thước của dấu: 2cm x 9cm.
- Chiều cao của chữ "HỒ SƠ CHỦ XE TỰ QUẢN LÝ": 4 mm.
- Chiều dài của dãy chữ "HỒ SƠ CHỦ XE TỰ QUẢN LÝ": 7,5cm
- Chiều cao của chữ "Ngày... tháng... năm.....": 3mm.
- Dấu đóng mực đỏ.

Mẫu số 02

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009
của Bộ Công an)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biển số cũ:.....

Biển số mới:

GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE

Tên chủ xe:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại

Số CMND (Hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... tại

Có chiếc xe:..... Nhãn hiệu:..... Số loại:

Loại xe:..... Màu sơn:..... Năm sản xuất:..... Dung tích..... cm³

Kích thước bao: Dài..... m; Rộng..... m; Cao..... m

Tự trọng:..... kg; Công suất:.....

Tải trọng: - Hàng hóa:..... kg; Trọng lượng kéo theo: kg;

- Số chỗ: ngồi....., đứng....., năm..... ;

Số máy:..... Số khung:.....

Nơi dán bản cà số máy

Nơi dán bản cà số khung

THỐNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE

TT	Loại chứng từ	Cơ quan cấp	Số chứng từ	Ngày cấp	Chủ xe ký nhận hồ sơ
1					
2					
3					
4					

TT	Loại chứng từ	Cơ quan cấp	Số chứng từ	Ngày cấp	Chủ xe ký nhận hồ sơ
5					
6					
7					

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe.

CÁN BỘ ĐĂNG KÝ XE

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1)

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
nếu là xe cơ quan)

(2)

(Ký tên và đóng dấu)

(1) Ở Bộ ghi Trưởng phòng; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Đội trưởng; ở CA cấp Huyện ghi Đội trưởng;

(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng; ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA, quận, huyện, thị xã, TP.

Mẫu số 03

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009
của Bộ Công an)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI SANG TÊN, DI CHUYỂN

Xe: Biển số:.....

1. Họ tên chủ xe:
2. Nơi thường trú:
3. Số CMND:..... cấp ngày...../...../..... tại
4. Có chiếc xe với đặc điểm sau:
Nhãn hiệu:..... số loại:..... loại xe:.....
Màu sơn:..... Số máy:..... Số khung:
5. Nay sang tên cho ông/bà:.....
6. Nơi thường trú:
7. Lý do sang tên di chuyển (điều động hoặc cho, tặng, thừa kế, mua lại):

DÁN BẢN CÀ SỐ MÁY, SỐ KHUNG

Nơi dán bản cà số máy

Nơi dán bản cà số khung

8. Kèm theo Giấy này có:
9. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe.

09602303

10. Đề nghị cơ quan đăng ký: (1)
xét và làm thủ tục sang tên, di chuyển chiếc xe nói trên.

CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ XE
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu
nếu là xe cơ quan)

(2)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS, ở tỉnh, Tp ghi Phòng CSGT.... ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện...

(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở Tỉnh, Tp ghi Trưởng phòng, ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng CA huyện, thị xã, TP.

Mẫu số 04

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009
của Bộ Công an)

..... (1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
..... (2)..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU TRẢ LỜI XÁC MINH
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Theo đề nghị xác minh nguồn gốc phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, chúng tôi xin trả lời kết quả như sau:

Biển số:

Chủ xe:

Địa chỉ:

Số CMND: Ngày cấp:.../.../...

Nơi cấp:

Nhãn hiệu:

Số loại:

Loại xe:

Màu sơn:

Dung tích xi lanh:

Công suất:

Số máy:

Số khung:

Chiều dài: Chiều rộng:

Chiều cao:

Tự trọng: Tải trọng:

Trọng lượng kéo theo:

Số chỗ ngồi: Số chỗ đứng:

Số chỗ nằm:

Năm sản xuất: .../.../...

Hạn sử dụng: .../.../...

Số giấy Hải quan:

Số tem:

Ngày đăng ký mới: .../.../...

Ngày đăng ký lần đầu: .../.../...

Biển số cũ:

Cải tạo:

Ngày cải tạo: .../.../...

Ngày bổ sung:.../.../...

Bổ sung di chuyển:

Ghi chú:

CÁN BỘ TRA CỨU
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
.....(3).....

(1) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS; ở Tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Công an tỉnh, TP.

(2) Ở Bộ ghi Phòng hướng dẫn đăng ký quản lý xe; ở Tỉnh trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông; ở CA cấp huyện ghi Công an quận, huyện, TP, thị xã.

(3) Ở Bộ ghi Trưởng Phòng hướng dẫn đăng ký quản lý xe; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng.

CÔNG AN TỈNH.....

PHÒNG CSGT

GIẤY CẤP PHÙ HIỆU KIỂM SOÁT XE.....

Họ tên người xin cấp:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND (Hộ chiếu) hoặc giấy tờ có giá trị thay thế

..... cấp ngày...../...../..... tại.....

Phù hiệu có giá trị từ ngày.../.../..... đến ngày.../.../.....

Số Phù hiệu:..... ngày cấp:/...../.....

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC CẤP

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phân công lưu tại cơ quan cấp

1 (số trang)

PHÙ HIỆU KIỂM SOÁT

Control badge

Biển số xe (*N^oPlate*):.....

02

2009

Số (*N^o*):..... ngày cấp (*date of issue*):.../.../2009

Có giá trị từ ngày (*valid from the date of*).../.../...

đến ngày (*to the date of*)...../...../.....

100 mm

mm 001

Ghi chú:

1. Kích thước của Phù hiệu: 100 mm x 100 mm
2. Biển số xe: ghi biển số đăng ký xe (Ví dụ: 74LB - 0017)
3. Chữ số 02: là tháng; chữ số 2009 là năm cấp Phù hiệu kiểm soát
4. Từ ngày... đến ngày...: Ghi thời hạn được phép hoạt động trong nội địa
5. Số:.... ngày cấp:.../.../2009: Số.....: ghi theo số thứ tự cấp Phù hiệu trong năm.
6. Màu sắc của Phù hiệu: nền trắng, chữ và số màu đen.
7. Đóng dấu treo của cơ quan cấp Phù hiệu kiểm soát vào giữa hàng chữ "Phù hiệu kiểm soát".

Mẫu số 07

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHAI THU HỒI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE

Xe: Biển số:

Tên chủ xe:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Số CMND (Hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... tại.....

Đề nghị thu hồi đăng ký, biển số:

Nhãn hiệu:..... Số loại:

Loại xe:..... Màu sơn:.....

Số máy:..... Số khung:.....

Lý do thu hồi:.....

Kèm theo giấy này có:

Đề nghị: (1).....

Thu hồi đăng ký, biển số và cấp giấy chứng nhận đã thu hồi đăng ký, biển số xe.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan)

(1) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS; ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông; ở CA cấp huyện ghi CA quận, huyện, thị xã, TP.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

09602353

Mẫu số 08

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009
của Bộ Công an)

..... (1)..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
..... (2)..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN THU HỒI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE

Xe: Biển số:.....

Theo đề nghị thu hồi đăng ký, biển số xe của: (3).....

(4)..... chứng nhận:

Họ tên chủ xe:

Địa chỉ:.....

..... Điện thoại:

Số CMND (Hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... tại.....

Đã thu hồi đăng ký, biển số xe:..... đăng ký ngày

Xe có đặc điểm dưới đây:

Nhãn hiệu:..... Số loại:

Loại xe:..... Màu sơn:.....

Số máy:..... Số khung:.....

Đã thu lại biển số xe; đăng ký xe.

Giấy chứng nhận thu hồi đăng ký, biển số xe không có giá trị để đăng ký xe.

Khi nhượng, bán xe chủ xe phải đến cơ quan (5).....

đang quản lý xe này để rút hồ sơ gốc làm thủ tục sang tên, đổi chủ.

Giấy chứng nhận này lập thành 02 bản:

- 01 bản lưu giữ tại cơ quan (6)

- 01 bản giao cho chủ phương tiện.

....., ngày..... tháng..... năm.....

.....(7).....

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- (1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi CA tỉnh, TP.
- (2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS; ở Tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông; ở CA cấp huyện ghi CA quận, huyện, thị xã, TP.
- (3) Ghi tên chủ xe trong đăng ký xe.
- (4)(5)(6) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS; ở tỉnh, Tp trực thuộc Trung ương ghi Phòng CSGT; ở CA cấp huyện ghi CA quận, huyện, thị xã, TP.
- (7) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng; ở CA cấp huyện ghi Trưởng CA quận, huyện, thị xã, TP.

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở Trung ương	Ở địa phương
(1)	Bộ Công an	Công an tỉnh, thành phố + tên địa phương
(2)	Ministry of Public Security	Tên địa phương + Province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS	Phòng cảnh sát giao thông; công an quận, huyện, thị xã, TP trực thuộc tỉnh
(4)	Railway and Road Traffic Police Department	The traffic police Division; Police Section of district, towns and city levels directly under the province
(5)	Hà Nội	Tên địa phương
(6)	Cục trưởng	Trưởng phòng; trưởng CA quận, huyện, thị xã, TP trực thuộc tỉnh

Đăng ký mô tô, xe máy kích thước 100 x 70 mm được in trên nền giấy màu xanh, hoa văn hình Công an hiệu

09602203

Mẫu số 10

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)

ĐĂNG KÝ ÔTÔ

1. Mặt trước

←----- 100 mm -----→

<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Socialist Republic of Vietnam</p>	<p>Mẫu số 10 BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an</p>
<p>..... (1)</p> <p>..... (2)</p> <p>..... (3)</p> <p>..... (4)</p>	
<p>ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ Car Registration Certificate</p>	
<p>Số (Number):</p>	
<p>Tên chủ xe (Owner's full name):.....</p> <p>.....</p>	
<p>Địa chỉ (Address):</p> <p>.....</p>	
<p>Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N^o/Passport):.....</p>	
<p>Biển số đăng ký (N^oPlate):</p>	

↑----- 70 mm -----↓

2. Mặt sau:

←----- 100 mm -----→

<p>Nhãn hiệu (Brand):</p> <p>Loại xe (Type):</p> <p>Số máy (Engine N^o):</p> <p>Số khung (Chassis N^o):</p> <p>Công suất (Horsepower):</p> <p>Năm sản xuất (Year of manufacture):</p> <p>Tải trọng (Loading capacity):</p> <p>Dài (Length):</p> <p>Đã đăng ký xe có giá trị đến ngày..... tháng..... năm.....</p> <p>Valid until date</p>	<p>Số loại (Model code):</p> <p>Màu sơn (Color):</p> <p>Dung tích (Capacity):</p> <p>Tự trọng (Empty weight):</p> <p>Hàng hóa (Goods):</p> <p>Ngồi (Sit):</p> <p>Đứng (Stand):</p> <p>Nằm (Lie):</p> <p>Kích thước bao (Overall dimension):</p> <p>.....(5)....., ngày (date).... tháng.... năm.....</p> <p>.....(6).....</p>
<p>..... kg;</p> <p>..... m; Rộng (Width): m; Cao (Height): m</p>	
<p>Đăng ký lần đầu ngày:</p> <p>Date of first registration:</p> <p>.....</p>	

↑----- 70 mm -----↓

09602303

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở Trung ương	Ở địa phương
(1)	Bộ Công an	Công an tỉnh, thành phố + tên địa phương
(2)	Ministry of Public Security	Tên địa phương + Province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS	Phòng cảnh sát giao thông
(4)	Railway and Road Traffic Police Department	The traffic police Division
(5)	Hà Nội	Tên địa phương
(6)	Cục trưởng	Trưởng phòng

Đăng ký xe ô tô kích thước 100 x 70 mm được in trên nền giấy màu xanh, hoa văn hình Công an hiệu

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở Trung ương	Ở địa phương
(1)	Bộ Công an	Công an tỉnh, thành phố + tên địa phương
(2)	Ministry of Public Security	Tên địa phương + Province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	Cục cảnh sát giao thông ĐB-ĐS	Phòng cảnh sát giao thông
(4)	Railway and Road Traffic Police Department	The traffic police Division
(5)	Hà Nội	Tên địa phương
(6)	Cục trưởng	Trưởng phòng

Đăng ký rơ moóc, sơ mi rơ moóc kích thước 100 x 70 mm được in trên nền giấy màu hồng, hoa văn hình Công an hiệu

Mẫu số 12

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)

ĐĂNG KÝ TẠM

1. Mặt trước

← 100 mm →

..... (1).....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
..... (2).....	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>	
ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI		
Số:		
Tên chủ xe:	Số loại:	70 mm
Địa chỉ:	Màu sơn:	
Nhãn hiệu:	Số khung:	
Loại xe:	(cả lái, phụ xe)	
Số máy:	đến	
Số chỗ ngồi:, ngày..... tháng.... năm.....	
Được phép đi từ (3)	
Biển số:		
Có giá trị đến		
hết ngày:		

09602303

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2. Mặt sau:

← 100 mm →

Mẫu số 12	
<i>BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an</i>	
CHÚ Ý	
Phải nghiêm chỉnh chấp hành Luật giao thông đường bộ	

70 mm

(1) Ở Bộ ghi Bộ Công an; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi CA tỉnh, TP.

(2) Ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông ĐB-ĐS; ở tỉnh, TP trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông; ở CA cấp huyện ghi Công an quận, huyện, thị xã, TP.

(3) Ở Bộ ghi Cục trưởng; ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ghi Trưởng phòng; ở CA cấp huyện ghi Trưởng Công an quận, huyện, thị xã, TP.

Đăng ký xe tạm thời kích thước 100 x 70 mm được in trên nền màu vàng, hoa văn hình Công an hiệu.

Mẫu số 13

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009
của Bộ Công an)

ĐĂNG KÝ MÁY KÉO

1. Mặt trước

100 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Socialist Republic of Vietnam	Mẫu số 13 BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an
..... (1) (2) (3) (4)	
ĐĂNG KÝ MÁY KÉO Certificate of tractor Registration Số (Number):	
Tên chủ xe (Owner's full name):.....	
Địa chỉ (Address):	
Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N ^o /Passport):..... Biển số đăng ký (N ^o Plate):	

70 mm

2. Mặt sau:

100 mm

Nhãn hiệu (Brand): Loại xe (Type): Số máy (Engine N ^o): Số khung (Chassis N ^o): Công suất (Horsepower): Năm sản xuất (Year of manufacture): Tải trọng (Loading capacity): Số chỗ (Seat capacity): Kích thước bao (Overall dimension): Dài (Length): m; Rộng (Width): m; Cao (Height): m Đăng ký xe có giá trị đến ngày..... tháng... năm..... Valid until date(5)....., ngày (date).... tháng.... năm.....(6).....	Số loại (Model code): Màu sơn (Color): Dung tích (Capacity): Tụ trọng (Empty weight): Hàng hóa (Goods): kg; Trọng lượng kéo theo (Towed weight): kg(5)....., ngày (date).... tháng.... năm.....(6).....
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration:	

70 mm

09602303

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở Trung ương	Ở địa phương
(1)	Bộ Công an	Công an tỉnh, thành phố + tên địa phương
(2)	Ministry of Public Security	Tên địa phương + Province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	Cục cảnh sát giao thông ĐB-ĐS	Phòng cảnh sát giao thông
(4)	Railway and Road Traffic Police Department	The traffic police Division
(5)	Hà Nội	Tên địa phương
(6)	Cục trưởng	Trưởng phòng

Mẫu số 14

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)

ĐĂNG KÝ MÔ TÔ, XE MÁY

1. Mặt trước

100 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Socialist Republic of Vietnam	Mẫu số 14 <i>BH kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an</i>
..... (1) (2) (3) (4)	
ĐĂNG KÝ MÔ TÔ, XE MÁY Motorbike Registration Certificate Có giá trị sử dụng trong Khu kinh tế KKT-TM.(7.) (Only validity in (7).trade economic Area)	
Số (Number): Tên chủ xe (Owner's full name):..... Địa chỉ (Address): Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N ^o /Passport):..... Biển số đăng ký (N ^o Plate):	

70 mm

2. Mặt sau:

100 mm

Nhân hiệu (Brand): Số loại (Model code): Loại xe (Type): Số máy (Engine N ^o): Số khung (Chassis N ^o): Dung tích (Capacity): Năm sản xuất (Year of manufacture): Số người được phép chở (Seat capacity):	Màu sơn (Color): TỰ TRỌNG (Empty weight): HÀNG HÓA (Goods):
.....(5)....., ngày (date).... tháng.... năm.....(6).....	
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration:	

70 mm

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

(1)	Công an tỉnh, thành phố + tên địa phương
(2)	Tên địa phương + Province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	Phòng cảnh sát giao thông
(4)	The traffic police Division
(5)	Tên địa phương
(6)	Trưởng phòng
(7)	Tên địa danh có khu kinh tế đặc biệt

Mẫu số 15

(ban hành kèm theo Thông tư số 06/2009/TT-BCA-C11 ngày 11/3/2009 của Bộ Công an)

ĐĂNG KÝ ÔTÔ

Sử dụng trong khu kinh tế thương mại đặc biệt theo quy định của Chính phủ (nền màu trắng vân hồng, chữ màu đen, in trên nền hoa văn hình Công an hiệu)

1. Mặt trước

100 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

Mẫu số 15
BH kèm theo Thông tư số
06/2009/TT-BCA-C11 ngày
11/3/2009 của Bộ Công an

..... (1)

..... (2)

..... (3)

..... (4)

ĐĂNG KÝ XE ÔTÔ
CAR REGISTRATION CERTIFICATE
(Có giá trị sử dụng trong Khu kinh tế KKT-TM.(7).)
(Only validity in (7).trade economic Area)
Số (Number):

Tên chủ xe (Owner's full name):.....

Địa chỉ (Address):

Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N^o/Passport):.....

Biển số đăng ký (N^oPlate):

70 mm

2. Mặt sau:

100 mm

Nhãn hiệu (Brand): Số loại (Model code):

Loại xe (Type): Màu sơn (Color):

Số máy (Engine N^o):

Số khung (Chassis N^o):

Công suất (Horsepower): Dung tích (Capacity):

Năm sản xuất (Year of manufacture): Tụ trọng (Empty weight):

Tải trọng (Loading capacity): Hàng hóa (Goods): kg;

Số chỗ (Seat capacity): Ngồi (Sit): Đứng (Stand): Nằm (Lie):

Trọng lượng kéo theo (Towed weight): kg; Kích thước bao (Overall dimension):

Dài (Length): m; Rộng (Width): m; Cao (Height): m

Đăng ký xe có giá trị đến ngày..... tháng... năm.....
Valid until date
.....(5)....., ngày (date).... tháng.... năm.....
.....(6).....

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration:
.....

70 mm

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở địa phương
(1)	Công an tỉnh, thành phố + tên địa phương
(2)	Tên địa phương + Province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	Phòng cảnh sát giao thông
(4)	The traffic police Division
(5)	Tên địa phương
(6)	Trưởng phòng
(7)	Tên địa danh có khu kinh tế đặc biệt

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

(1)	Công an tỉnh, thành phố + tên địa phương
(2)	Tên địa phương + Province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	Phòng cảnh sát giao thông
(4)	The trafffic police Division
(5)	Tên địa phương
(6)	Trưởng phòng
(7)	Tên khu kinh tế đặc biệt